

ABCDEFGHIJKLMNOPQRSTUVWXYZ

ENGLISH FOR TODAY

BOOK TWO
The World We Live In

THE NATIONAL COUNCIL
OF TEACHERS OF ENGLISH



Chiếc cửa sổ mở - Saki (H.H. Munro) 2
Kẻ rởm đời – Morley Callaghan. 4
Một đám mây nhỏ - James Joyce. 7
Đám tang của một điêu khắc gia – Willa Cather. 14
Những rặng núi lớn – John Steinbeck. 20
Một nơi sạch sẽ sáng sủa - Ernest Hemingway. 27

Chiếc cửa sổ mở - Saki (H.H. Munro)

Một cô gái 15 tuổi rất bình tĩnh nói: "Thưa ông Nuttel, cô tôi sắp xuống đây ạ; trong khi chờ đợi, xin ông vui lòng cho tôi được tiếp chuyện ông."

Framton Nuttel cố gắng nói điều gì lịch thiệp có thể làm đẹp lòng cô cháu lúc này mà không tỏ ra thiếu lễ độ với bà cô sắp xuống lầu. Trong thâm tâm, ông nghi ngờ hơn bao giờ hết, không biết những cuộc viếng thăm xã giao một loạt những người hoàn toàn xa lạ này có giúp ích gì cho việc điều trị thần kinh mà theo nguyên tắc ông phải theo đuổi không.

Khi ông sắp sửa về tỉnh dưỡng ở miền quê này, chị ông đã nói: "Tôi biết trước sự việc sẽ ra sao mà; cậu sẽ tự chôn mình ở đó và không được trò chuyện với một ai, và vì buồn phiền, thần kinh cậu sẽ còn tệ hơn. Tôi sẽ viết thư giới thiệu cậu với tất cả mọi người tôi quen biết. Tôi nhớ có vài người rất dễ thương."

Framton tự hỏi không hiểu bà Sappleton, người mà ông tới để trao thư giới thiệu, có thuộc vào số người dễ thương ấy không.

Khi cân nhắc thấy rằng giữa họ đã có một niềm thông cảm lặng lẽ đầy đủ rồi, cô cháu gái liền hỏi: "Ông có quen biết nhiều người ở vùng này không ạ?"

Framton trả lời: "Tôi chẳng quen một ai hết. Chị tôi bốn năm trước có ở đây, tại nhà vị mục sư, và chị tôi viết thư giới thiệu tôi với một số người trong vùng này."

Ông ta nói câu sau này bằng một giọng ân hận rõ ràng.

Cô gái bình tĩnh nói tiếp: "Vậy ông thực không biết gì về bà cô tôi sao?"

Ông khách công nhận: "Tôi chỉ biết tên và địa chỉ của bà thôi." Ông đang phân vân không biết bà Sappleton có chồng

hay góa chồng. Trong căn phòng có một cái gì khó tả hình như gợi cho thấy là nhà ấy có đàn ông.

Thiếu nữ nói: "Thảm kịch liên hệ tới cô tôi đã xảy ra vừa đúng ba năm trước đây, có lẽ từ thời bà chị ông còn ở đây."

Framton hỏi: "Thảm kịch à?"; dầu sao nơi đồng quê yên tĩnh này dường như không phải là chỗ có thể có thảm kịch xảy ra.

Cô cháu gái chỉ chiếc cửa sổ lớn kiểu Pháp mở rộng nhìn ra một sân cỏ và nói tiếp: "Chắc ông ngạc nhiên tại sao chúng tôi lại để chiếc cửa sổ kia mở rộng vào một buổi chiều tháng mười."

Framton nói: "Tháng này năm nay cũng ấm áp lắm đấy chứ, nhưng chiếc cửa sổ ấy dính líu gì tới thảm kịch kia không?"

"Cũng ngày này ba năm trước, chồng và hai người em trai của bà cô tôi đã bước qua chiếc cửa sổ này để đi săn bắn. Không bao giờ họ trở về nữa. Khi vượt qua bãi sình mà họ thích tới bắn chim mỏ nhát, cả ba đều bị chết chìm ở một chỗ sa lầy hiểm ác. Ông biết không, mùa hạ năm đó, mưa lớn ghê gớm, và những chỗ vẫn an toàn trong những năm trước thì năm đó bị lở sụt bất thành hình mà không ai ngờ trước được. Người ta không bao giờ tìm lại được thi hài họ, và đó là điều khủng khiếp nhất trong câu chuyện." Tới đây, giọng nói của cô bé không còn bình tĩnh nữa mà trở nên ngập ngừng. "Bà cô đáng thương của tôi lúc nào cũng nghĩ rằng một ngày kia họ sẽ trở về, với cả con chó nhỏ lông dài màu nâu cùng chết với họ, và họ sẽ bước qua chiếc cửa sổ này như họ vẫn thường làm. Bởi vậy nên chiếc cửa sổ để mở mỗi buổi chiều tới tận lúc nhá nhem tối. Tội nghiệp cho bà cô yêu quý của tôi, bà thường kể lại cho tôi hay họ ra đi ra sao, chồng bà thì khoác chiếc áo mưa màu trắng trên tay và Ronnie người em nhỏ nhất của bà, thì đang hát bài "Bertie, tại sao em nháy?" như xưa nay anh vẫn hát để trêu bà vì bà nói rằng bài hát đó làm bà khó chịu. Ông biết không, nhiều khi những buổi chiều yên tĩnh

như chiều hôm nay, tôi gần như có cảm giác rợn người là tất cả bọn họ sẽ bước qua cửa sổ kia để vào trong nhà...."

Cô bỗng ngừng lại và hơi rùng mình. Framton cảm thấy nhẹ mình khi bà cô vội vã bước vào phòng và rối rít xin lỗi vì bà đã chậm ra tiếp khách.

Bà nói: "Tôi mong rằng Vera đã tiếp chuyện ông vui vẻ."

Framton nói: "Cô ấy rất đáng mến."

Bà Sappleton nói mau: "Mong rằng ông không phiền vì chiếc cửa sổ ấy để mở. Nhà tôi và các em tôi đi săn sắp về, và bao giờ họ cũng vào bằng lối này. Hôm nay họ đi săn chim mỏ nhát ở đồng lầy và họ sẽ làm bắn hết những tấm thảm của tôi. Đàn ông, các ông vẫn vậy, có phải không ạ?"

Bà tiếp tục nói liến thoắng và vui vẻ về săn bắn, về việc chim chóc khan hiếm và về hy vọng có vịt trong mùa đông tới. Đối với Framton, câu chuyện thực ghê sợ. Ông cố gắng một cách tuyệt vọng mà chỉ có kết quả phần nào trong việc lái câu chuyện sang một vấn đề đỡ rùng rợn hơn; ông ta ý thức được rằng bà chủ nhà chỉ chú ý ít tới ông và mắt bà luôn luôn nhìn qua ông về phía cửa sổ để mở và chiếc sân cỏ bên ngoài. Thực là một sự trùng hợp không may mà ông đến thăm nhà này đúng ngày kỷ niệm tấn thảm kịch.

"Các bác sỹ đều đồng ý bắt tôi phải tĩnh dưỡng hẳn, tránh hoàn toàn sự kích động tinh thần và tránh tất cả cái gì có tính cách thể dục mạnh bạo." Framton nói vậy, vì tưởng lầm cũng như rất nhiều người rằng những người xa lạ hoàn toàn và những người quen biết ngẫu nhiên thường khao khát được nghe từng chi tiết nhỏ nhất về bệnh trạng và tật nguyên của người ta, cùng nguyên nhân và cách điều trị. Ông nói tiếp: "Về ăn uống thì họ lại không đồng ý kiến với nhau lắm."

Bằng giọng âm ừ chỉ cốt thay thế cho cái ngáp sắp tới, bà Sappleton nói: "Không à?" Và bỗng nhiên bà tươi hẳn lên rồi nhanh nhẩu chú ý-- nhưng không phải tới câu Framton đang nói.

Bà kêu lên: "Có thể chứ, họ về kia rồi, vừa vặn đúng giờ uống trà, và trông họ hình như dính đầy bùn tới mắt đấy nhỉ?"

Framton hơi run lên và quay về phía cô cháu với cái nhìn ngụ ý tỏ niềm thông cảm. Cô bé đang nhìn qua cửa sổ mở với một vẻ sợ hãi sững sốt trong đôi mắt. Lạnh toát người và nghệt thờ vì một sự sợ hãi không căn cứ, Framton quay tròn trên ghế và cũng nhìn về phía đó.

Trong ánh sáng hoàng hôn tối dần, ba bóng người đang băng qua bãi cỏ tiến về phía cửa sổ; họ đều mang súng trong tay, và một người trong bọn họ có thêm một chiếc áo màu trắng trên vai. Một con chó lông dài mỗi một theo ngay sau gót họ. Không một tiếng động, họ tới gần căn nhà, rồi một giọng trẻ tuổi và khàn khàn cất tiếng hát trong bóng tối nhá nhem: "Tôi bảo, Bertie, tại sao em nhảy nhót?"

Framton cuống cuống nắm lấy chiếc mũ và cái gậy chống; chiếc cửa hành lang, con đường đá, và chiếc cổng ngoài là những chặng đường mà ông mơ hồ nhận ra trong lúc ba chân bốn cẳng tháo lui. Một người cưỡi xe đạp trên đường phải đâm liều vào một bụi cây để tránh sự đụng nhau chắc chắn.

Người mang áo choàng trắng bước qua cửa sổ vào nhà và nói: "Mình ơi, chúng tôi về đây rồi, và lấm bùn be bét, nhưng bùn cũng gần khô hết rồi. Người nào bỏ chạy lúc chúng tôi về thế?"

Bà Sappleton nói: "Đó là một người bệnh thật kỳ lạ, tên là ông Nuttel; ông ta chỉ nói về bệnh tình của mình, rồi phóng chạy mất, không một lời cáo biệt hay xin lỗi, khi mình và các em về tới nơi. Người ta ngờ rằng ông thấy ma hiện hình chẳng."

Cô cháu bình tĩnh nói: "Cháu đoán là vì con chó; ông ta nói với cháu rằng ông ta rất sợ chó. Có lần ông ta bị một đàn chó đói đuổi và phải chạy vào một nghĩa địa ở đâu bên bờ sông Ganges và phải ngủ đêm ở trong một chiếc huyệt mới đào trong khi những con chó cứ gầm gừ, nhả răng và sùi bọt mép ngay trên đầu ông. Như vậy thì ai mà chẳng hết hồn."

Bịa chuyện một cách lanh lẹ là biệt tài của cô bé vậy.

Chú thích của người đánh máy: Tôi đã đánh trung thành tuyệt đối với bản dịch của LBK, kể cả những chỗ hành văn hơi ngô nghê của một dịch giả người Hoa viết tiếng Việt như "Chiếc cửa" hay "chiếc huyết", để phục vụ mục đích sưu tầm. Độc giả coi không thuận mắt đừng cho là lỗi người đánh máy.

Kẻ rờm đời – Morley Callaghan

John Hartcourt, chàng sinh viên, chợt trông thấy cha chàng ở quầy bán sách trong tiệm bách hóa. Thoạt tiên anh cũng không dám chắc khi đứng giữa đám đông đang xô đẩy dọc theo lối đi, nhưng ở màu da sau gáy ông già, và ở chiếc mũ phớt bạc màu có cái gì mà anh quen thuộc lắm. Hartcourt đang đứng với cô gái mà anh yêu, chờ mua cho cô một cuốn sách. Suốt buổi chiều anh đã nói chuyện với cô gái một cách say sưa; nhưng vẫn có một vẻ nhút nhát lo sợ, dường như trong thâm tâm anh vẫn còn nỗi niềm ngạc nhiên ngây thơ, khi cô gái vui sướng được đi với anh. Từ dưới chiếc mũ rơm rộng vành, khuôn mặt xinh xắn và đẹp một cách rần rỏi với một vẻ tự tin bình thản, luôn luôn ngẩng nhìn anh và thỉnh thoảng mỉm cười khi anh nói. Đó là thái độ thường xuyên của họ khi nói chuyện với nhau, không bao giờ dám bộc lộ tình yêu chan chứa và nồng nàn. Hartcourt vừa mua xong cuốn sách và đang móc túi lấy tiền, với một dáng điệu tự nhiên và sẵn sàng, làm ra vẻ xưa nay anh vẫn quen mua sách tặng những cô gái thì ông già tóc bạc đội mũ phớt phai màu ở đầu kia quầy hàng quay nửa người về phía anh, và Hartcourt thấy rằng anh đang đứng chỉ cách cha anh có vài bước.

Những câu nói lưu loát của người thanh niên trở nên ề à và tiếng nói của anh hạ thấp xuống gần như tiếng thì thầm, hình như anh lo sợ mọi người trong cửa tiệm nhận ra tiếng anh, anh cảm thấy một nỗi khó chịu ghê gớm đang dâng lên trong người anh một cái gì rất quý báu mà anh muốn nắm giữ hình như sắp tan vỡ. Ở đầu quầy hàng, cha anh đang đứng ngay người, tay giở một cuốn sách với một vẻ trầm ngâm. Rồi ông lấy chiếc kính lão ở trong chiếc bao da cũ ra, đeo kính thấp xuống tận đầu mũi và nhìn xuống cuốn sách qua mắt kính. Áo ngoài của ông mở phanh ra, hai chiếc khuy áo trong tuột ra, tóc ông quá dài và trong bộ quần áo khá tồi tàn trông ông giống hệt một người lao động, có lẽ một người thợ mộc. Một

nổi bất bình nổi lên trong lòng chàng trai trẻ Hartcourt khiến anh muốn kêu to lên một cách chua chát: "Tại sao ông lại ăn vận như thế là trong đời ông chưa bao giờ có được một bộ quần áo tươm tất vậy? Ông không cần biết thiên hạ nghĩ gì về ông. Trước đây ông cũng không bao giờ để ý cả. Ta đã nói với ông cả trăm lần rằng khi ra ngoài thì ông nên ăn vận quần áo tươm tất. Mẹ ta cũng nói như vậy mà ông chỉ cười trừ. Và bây giờ Grace có thể trông thấy ông, Grace sẽ gặp ông."

Thế là Hartcourt đứng ngây ra, đầu cúi xuống, và cảm thấy có cái gì rất đau đớn sắp xảy ra. Có lần anh lo lắng nhìn Grace lúc đó đã quay về phía quầy sách bán xon. Giữa đám người đang xô nhau đi không mục đích, mặt nóng bừng, người nọ dùng cùi tay xô người kia chen nhau mà đi nhưng vẻ mặt vẫn thản nhiên, lạnh lùng. Grace có vẻ cao lớn và cô đơn một cách lộng lẫy. Nàng rất tự tin trong sự giao thiệp của nàng với những người đi trên lối đi này, với những người thư ký sau quầy hàng, những cuốn sách để trên kệ, và với tất cả những gì xung quanh nàng. Đầu vẫn cúi gằm, anh xích tới gần nàng, và nói nhỏ một cách lo âu: "Em Grace này, chúng ta hãy đi đâu uống trà đi."

Nàng nói: "Anh chờ em một phút nữa nhé."

"Đi ngay bây giờ đi."

Nàng lơ đãng nhắc lại: "Đúng một phút nữa thôi, anh ạ."

"Ở đây không có một hơi gió nào. Đi ngay bây giờ đi."

"Tại sao anh nóng nảy thế?"

"Quầy hàng này chả có gì ngoài sách cũ."

"Ở đây có thể có những cuốn sách mà em muốn có từ bao lâu rồi," nàng vừa nói vừa mỉm cười rất tươi với anh và không nhận thấy vẻ lo âu trên nét mặt anh.

Bởi vậy Hartcourt cũng phải từ từ nhích theo sau nàng và càng tới gần cha anh hơn. Anh cảm thấy khoảng cách giữa ông bố và anh ngắn lại. Có một lần anh ngẩng đầu lên, liếc nhìn ngang một cách vô định. Nhưng cha anh mặt hồng hào

và vui vẻ hầy còn đang đọc cuốn sách cầm trên tay, có điều là lúc này nét mặt ông có vẻ trầm ngâm, hình như có cái gì trong sách làm ông xúc động và ông định đứng lại đó một lúc nữa để đọc tiếp.

Ông già Hartcourt có nhiều thì giờ giải trí vì ông hiện sống bằng hưu liễm, sau một đời làm việc vất vả. Ông đã cho thằng John vào đại học và ông thiết tha muốn nó nổi danh. Đêm nào cũng vậy khi John về nhà dù còn sớm hay muộn, anh cũng vào phòng ngủ của cha mẹ anh, bật đèn lên và nói chuyện với cha mẹ về những truyện thích thú của anh trong ngày hôm đó. Cha mẹ anh lắng nghe và cũng tham dự vào thế giới mới đó với anh. Vẫn mặc quần áo ngủ, cả hai ông bà đều ngồi dậy và trong khi bà mẹ hỏi đủ các chuyện thì ông bố lắng tai nghe, đầu nghiêng về một bên, trên mặt nở một nụ cười hoặc đôi lông mày nhíu lại. Bây giờ John đang nhớ lại tất cả những điều đó, và trong tâm hồn anh đang có một niềm ước muốn vô vọng và một nỗi niềm đau đớn mỗi lúc mỗi lớn mạnh thêm không chịu đựng nổi khi anh sợ hãi liếc nhìn cha anh; nhưng anh lại nghĩ một cách ương ngạnh rằng "Ta không thể giới thiệu ông được, nếu ông không trông thấy mình và Grace thì sẽ dễ dàng cho tất cả mọi người. Ta đâu có xấu hổ. Nhưng như vậy tiện hơn. Như vậy hữu lý hơn. Gặp Grace chỉ tổ làm cho ông lúng túng mà thôi." Nhưng ngay lúc đó anh nhận thấy là anh có xấu hổ, nhưng anh cảm thấy sự xấu hổ đó chính đáng bởi vì cha của Grace vẫn có cử chỉ lịch thiệp và tự tin của một người suốt đời sống giữa những kẻ giàu sang và tự tin. Thỉnh thoảng khi tới nhà Grace, và nói chuyện một cách lễ phép với mẹ nàng, John vẫn luôn luôn nghĩ tới cái mộc mạc của gia đình mình, cách ăn mặc lôi thôi hồn nhiên và vui vẻ của cha mẹ mình, và anh quyết định một cách tuyệt vọng rằng anh phải làm cho những người trong gia đình Grace khâm phục anh.

Anh thận trọng ngẩng nhìn lên vì hai người chỉ còn cách cha anh chừng hai, ba thước mà thôi; nhưng ngay lúc đó, cha anh cũng ngẩng đầu lên, và John vội vàng nhìn đi nơi khác, ra

phía xa trên lối đi, trên những quầy hàng và không thấy gì hết. Khi cặp mắt màu xanh và điềm tĩnh của cha anh nhìn chòng chọc qua mắt kính, có lẽ, có lúc bốn mắt đã gặp nhau. Trong hai người không ai biết chắc, nhưng khi anh quay đi và bắt đầu nói chuyện vội vã với Grace thì John biết một cách đích xác là cha anh đã nhìn thấy anh. Anh biết như vậy qua vẻ điềm tĩnh quả quyết trong đôi mắt màu xanh của cha anh. John càng thêm xấu hổ và nỗi niềm tủi nhục làm anh đau khổ trong khi anh đứng chờ mà không làm gì cả.

Cha anh quay đi và đi xuống phía dưới lối đi, đi thẳng người trong bộ quần áo tối tàn, hai vai rất thẳng, không ngoảnh nhìn lại lần nào. Anh biết rằng cha anh sẽ đi bộ chậm chậm xuống phía dưới đường phố với vẻ trầm ngâm sâu đậm thêm, và trở thành trịnh trọng.

Anh chàng Hartcourt trẻ tuổi đứng cạnh Grace, đụng nhẹ vào vai êm dịu của nàng và còn thoang thoảng ngửi thấy mùi nước hoa thơm dịu nàng dùng. Nàng đứng đó, sát bên người anh, nàng giữ trong mình tất cả những gì mà anh muốn giơ tay ra với lấy, nhưng bây giờ anh cảm thấy một mối hận thù sâu sắc làm cho anh cau có và trầm lặng.

Bằng một giọng dịu dàng kéo dài, nàng nói: "John, anh nói phải đó, ngày nào nóng bức mà ở đây thực không chịu nổi. Chúng ta ra khỏi đây đi anh đi. Anh có bao giờ để ý là những tiệm bách hóa, sau một thời gian, có thể thực sự làm mình ghét kẻ khác không?" Nhưng nàng vừa nói vừa mỉm cười khiến anh có thể thấy rằng, thực ra, nàng chẳng ghét ai hết.

Anh nói một cách cộc lốc: "Em không thích kẻ khác, phải không?"

"Kẻ khác? Kẻ khác nào? Anh muốn nói gì?"

Anh nói tiếp một cách bực dọc: "Anh muốn nói em không thích những hạng người mà em đụng chạm phải, ở đây chẳng hạn."

"Không nhất định là ai – Mà ai ưa những người đó? Anh đang nói gì vậy?"

Trong lòng anh tràn đầy một niềm ước muốn tàn nhẫn muốn đả kích nàng, nên anh nói liều lĩnh: "Ai ai cũng thấy là em không ưa kẻ khác. Anh nói quyết rằng em không ưa những người giản dị và ngay thẳng, loại người mà em gặp khắp nơi trong thành phố." Anh thốt ra những lời như muốn làm nàng xúc động, nhưng thực ra anh muốn nói: "Em sẽ không thích gia đình anh. Tại sao anh lại không có thể đưa em về dùng cơm với cha mẹ anh? Em sẽ khinh thị cha mẹ anh vì các người không có cao vọng gì. Ngay khi cha anh vừa thấy em, người đã hiểu ngay là em không muốn gặp người. Anh biết rõ điều đó khi thấy cử chỉ cha anh quay đi."

Hartcourt biết rằng lúc này cha anh đang đi về nhà và tối nay anh sẽ gặp cha anh trong bữa cơm chiều. Mẹ anh và em gái anh sẽ nói liến thoắng, nhưng cha anh sẽ không nói gì với anh hoặc bất cứ ai. Hartcourt sẽ nhớ lại cái nhìn bình thản của cặp mắt xanh và hiểu rằng cha anh đau lòng khi ông bỏ đi.

Grace chăm chú nhìn khuôn mặt âu sầu của John trong khi hai người đi qua hết gian hàng và nàng biết rằng anh đang ấp ủ một niềm phẫn nộ riêng tư và nổi bất bình và tức giận của riêng nàng cũng tăng thêm nên nàng dần từng tiếng: "Anh có quyền nổi khùng vì buổi chiều nóng nực, tôi nghĩ vậy, nhưng nếu tôi cảm thấy rằng tôi không thích ở đây thì tôi có quyền không thích. Chính anh muốn chúng ta rời khỏi đây. Ai mà lại muốn mất nhiều thời giờ trong một tiệm bách hóa vào một buổi chiều nóng bức? Tôi bắt đầu ghét tất cả những kẻ ngu ngốc đụng vào tôi, ghét tất cả những người ở gần tôi. Như vậy thì tôi đã làm sao nào?"

"Như vậy thì cô thành một đứa rởm đời."

Nàng tức giận hỏi: "Vậy thì bây giờ tôi rởm đời hả?"

Anh nói: "Nhất định là cô rởm đời." Họ đi tới cửa rồi bước ra phố. Trong khi họ đi dưới ánh nắng, giữa đám đông người đi chậm chậm về phía dưới phố, anh lần mò tìm lời để diễn tả

những ý nghĩ thầm kín mà anh đã có về nàng. Anh nói: "Tôi luôn luôn hiểu rõ cô sẽ có cảm nghĩ gì về những người mà tôi yêu mến, mà lại không thích hợp với thế giới riêng tư của cô."

Nàng nói: "Anh là một đứa ngu ngốc!" Bây giờ mặt nàng đỏ bừng và nàng cũng khó biểu lộ sự công phần của mình, bởi vậy nàng chăm chăm nhìn thẳng về phía trước trong khi bước đi.

Chưa bao giờ họ nói với nhau như vậy, và bây giờ cả hai đều muốn đả kích nhau ngay. Nàng bắt đầu cãi với anh một thôi một hồi, rồi nàng tự kìm hãm và bình tĩnh nói: "John, anh hãy nghe đây, tôi cho rằng anh chán không muốn đi với tôi nữa. Vậy không có lý gì mà đi uống trà với nhau nữa. Tôi nghĩ rằng tốt hơn là nên từ giã anh ngay đây."

Anh nói: "Tốt lắm, chào cô."

"Chào anh."

"Chào cô."

Nàng bắt đầu bỏ đi, nhưng nàng vừa đi được hai bước thì anh với tay một cách tuyệt vọng, nắm lấy cánh tay nàng, và anh sợ sệt rồi van nài: "Xin em đừng bỏ đi, Grace."

Tất cả nỗi giận dữ và cái kính đã tan biến khỏi người anh; và chỉ còn một mối lo âu vô vọng trong giọng nói khi anh van xin: "Em tha thứ cho anh. Anh không có quyền nói với em như vậy. Anh cũng không hiểu vì sao anh lại thô bỉ đến thế, và anh không hiểu có chuyện gì. Anh thực rất lố bịch. Em phải tha thứ cho anh. Đừng bỏ anh."

Chưa bao giờ anh nói với nàng bằng một giọng nhát gừng như vậy, và sự chân thành của anh, tình cảm sâu xa của anh bắt đầu làm nàng cảm động. Trong khi nàng nghe anh nói, và cảm thấy tất cả nỗi niềm mong muốn trong con người anh thì cả hai hình như lại gần nhau hơn bao giờ hết, vì đã chống đối nhau, và nàng bắt đầu cảm thấy bẽn lễn. Nàng nói: "Em không biết chúng ta cãi nhau vì cái gì. Em cho là cả hai chúng ta đều

cáu kính. Chắc là vì thời tiết đấy. Nhưng em không giận đâu, John ạ."

Anh gật gù một cách thiếu não. Anh muốn nói với nàng rằng chắc chắn cha anh sẽ thấy nàng đáng yêu, nhưng trong đời anh chưa bao giờ anh cảm thấy mình khổ sở như vậy. Anh nắm chặt cánh tay nàng như thể là anh phải nắm chặt lấy nó nếu không thì cái mà anh mong muốn nhất trên đời sẽ chạy đi mất; nhưng anh vẫn nghĩ tới, như là anh sẽ luôn luôn nghĩ tới, cha anh điềm nhiên bỏ đi không bao giờ quay đầu lại.

Một đám mây nhỏ - James Joyce

James Joyce (1882–1941) là một tác giả nổi tiếng người Ái-Nhĩ-Lan. Người ta thường hay gặp ông, khi còn thanh niên trong các quán rượu thành Dublin. Ông tới đó để nhận xét, với một vẻ lãnh đạm kỳ lạ, những con người cô đơn mà ông gặp ở đó. Đó là một trong những đặc điểm chính phải ghi nhận trong những truyện đầu tiên ông viết trước khi ông 20 tuổi và xuất bản dưới nhan đề "Những người dân thành Dublin", "Một đám mây nhỏ" là một truyện trích trong đó.

Đối với "Bé Chandler", con người mà các bạn sẽ gặp trong truyện dưới đây, bữa đó bình minh thật tươi sáng, và chàng đón chào ngày ấy với tất cả tấm lòng triu mến. Nhưng rồi một đám mây nhỏ xuất hiện và che khuất hẳn ánh mặt trời.

Tám năm trước chàng đã đi tiễn đưa người bạn tại North Wall và chúc bạn thượng lộ bình an. Và Gallaher đã thành công trong sự nghiệp. Điều đó người ta có thể thấy ngay ở bộ dạng của một người đã đi du lịch nhiều, ở bộ đồ len cắt đẹp và giọng nói hùng hồn của anh. Ít kẻ có tài như anh và còn ít hơn nữa những kẻ còn giữ được trong trắng sau khi đã thành công như anh. Gallaher đặt tình cảm đúng chỗ và anh thành công là xứng đáng. Có một người bạn như anh thật là một điều đáng kể.

Từ sau bữa trưa, tư tưởng của "Bé Chandler" chỉ hướng về cuộc gặp gỡ với Gallaher, về lời mời của Gallaher và đại đô thị Luân-đôn nơi mà Gallaher ở. Chàng được người ta gọi là Bé Chandler vì tuy chàng chỉ nhỏ bé hơn vóc trung bình một chút, nhưng chàng khiến người ta có cảm tưởng chàng là một cậu bé. Bàn tay chàng trắng và nhỏ, thân hình mảnh khảnh, tiếng nói bình tĩnh và cử chỉ tế nhị. Chàng hết sức chải chuốt mái tóc và bộ râu mép vàng tơ, và chàng chỉ dùng nước hoa một cách kín đáo rỏ vào khăn tay. Vành móng tay chàng cũng chải chuốt và khi cười chàng để lộ hàm răng trắng như răng sữa.

Ngồi trước bàn giấy nhà hàng King, chàng nghĩ lại những đổi thay trong tám năm gần đây. Người bạn chàng quen biết khi người ấy còn có một bộ dạng nghèo khổ túng thiếu, nay đã thành một nhân vật nổi tiếng trong làng báo Luân-đôn. Chàng luôn luôn ngừng công việc viết lách mệt mỏi để xoay ra ngược mắt nhìn qua cửa sổ văn phòng. Ánh tà dương cuối thu đã bao trùm bãi cỏ và lối đi. Tia nắng vàng hoe như tung một đám mây bụi lên mấy cô y-tá chải chuốt và mấy ông già lụ khụ ngồi ngủ gật trên những chiếc ghế dài. Ánh nắng lung linh trên những hình dáng linh động – những bầy con trẻ vừa chạy vừa hò hét trên con đường sỏi và tất cả những ai qua lại trong vườn. Chàng ngắm cảnh và nghĩ tới sự đời và (cứ khi nào chàng nghĩ tới sự đời thì y như rằng) chàng cảm thấy buồn... Một nỗi buồn man mác chiếm đoạt tâm hồn. Chàng cảm thấy cưỡng lại số mệnh là vô ích. Đó là gánh nặng của lịch duyệt mà năm tháng đã di truyền lại cho chàng.

Chàng hồi tưởng lại những tập thi phẩm trên giá sách ở nhà. Chàng đã mua những tác phẩm đó trong những ngày còn sống độc thân và có những buổi chiều, khi chàng ngồi trong căn phòng nhỏ cách xa căn phòng lớn, chàng đã có ý muốn lấy xuống một cuốn và đọc hết một đoạn nào đó cho vợ chàng nghe. Nhưng tính nhút nhát bao giờ cũng cản chàng lại và cứ như thế, sách vẫn ở trên giá. Đôi khi chàng nhắm lại vài giòng và điều đó an ủi chàng.

Khi đồng hồ điểm, chàng đứng dậy và trịnh trọng từ giã bàn giấy và các bạn thư ký đồng sự. Chàng ra khỏi cổng kiến trúc theo hình cánh cung thời Trung Cổ của nhà hàng King, dáng người chàng chải chuốt nhưng nhã nhặn, và chàng rảo bước xuống phía dưới đường Henrietta. Ánh nắng vàng của mặt trời lặn đang xuống dần và không khí trở nên giá buốt. Một bầy trẻ dơ dáy chơi đầy ngoài phố. Chúng đứng hay chạy trên lộ và bò lên những bậc thềm trước những cửa hé mở, hay ngồi xồm như bầy chuột trên ngưỡng cửa. Chandler không nghĩ gì tới chúng. Chàng khéo léo lựa bước đi giữa đám sinh vật nhỏ bé như sâu kiến này, và dưới bóng những

lâu dài hoang vắng như bóng ma trong đó phe quý tộc lâu đời thành Dublin đã từng sống một cuộc đời tung bừng rộn rịp. Không một kỷ niệm cũ nào làm bợn lòng chàng vì tâm hồn chàng tràn ngập nỗi hân hoan hiện tại.

Chàng chưa hề đặt chân vào quán Corless bao giờ, nhưng chàng đã nghe danh và biết giá trị của quán đó. Chàng biết người ta tới đó sau khi tan hát để ăn sò và uống rượu ngọt, và chàng có nghe nói bồi bàn tại tiệm đó nói tiếng Pháp và tiếng Đức. Ban đêm đi thoáng qua chàng đã thấy xe ngựa đậu thành hàng trước cửa và các bà ăn mặc sang trọng, có bạn trai đi kèm, bước xuống xe rồi vội vã bước vào. Họ bận những bộ đồ kêu sột soạt và nhiều áo hoặc khăn choàng. Mặt họ đánh phấn và họ vén tà áo mỗi khi họ đặt chân xuống đất như những nàng nữ quái kiệt Atalantas trong truyện cổ tích Hi-lạp ngày xưa, khi sợ hãi. Bao giờ chàng cũng đi qua không ngoái cổ nhìn lại. Chàng có thói quen bước mau ở ngoài phố ngay cả ban ngày, và mỗi khi chàng ở ngoài phố đêm khuya, chàng bước vội vã với một vẻ sợ sệt và xao xuyến. Tuy nhiên đôi khi chàng lại đùa cợt với những nguyên nhân sợ hãi của chàng. Chàng chọn những phố tối tăm chật hẹp nhất và trong khi chàng mạnh dạn tiến bước, sự im lặng lan tràn chung quanh bước chân chàng làm cho chàng sinh lo ngại, những hình người lang thang và yên lặng làm chàng bối rối, và có khi một tiếng cười nhỏ thoáng qua làm chàng run lên như tàu lá.

Chàng rẽ sang tay phải để tới đường Capel. Ignatius Gallaher ở trên báo chí ở Luân-đôn! Ai có thể tưởng tượng được điều đó cách đây tám năm? Tuy nhiên bây giờ sau khi nhìn lại quá khứ, Chandler có thể nhớ lại nhiều dấu hiệu cho thấy bạn chàng sẽ có một tương lai huy hoàng. Người ta thường hay nói Ignatius Gallaher quá phóng đảng. Dĩ nhiên, anh ta đã chung đụng với một nhóm bạn bè trụy lạc thời đó, rượu chè be bét và vay mượn lung tung. Cuối cùng anh đã liên can tới một câu chuyện, một vụ buôn tiền nào đó, điều này ít ra là một lời giải thích việc anh đào tẩu. Nhưng không ai chối cãi tài của anh. Bao giờ cũng có một cái gì, một điều gì đó ở

Ignatius Gallaher gây một ấn tượng cho người ta, dù muốn hay không. Ngay cả khi anh lâm vào cảnh nghèo xơ xác và nghĩ nát óc không ra cách kiếm tiền, anh cũng vẫn giữ được vẻ mặt mạnh dạn. Chandler, nhớ lại (và kỷ niệm đó khiến má chàng ửng đỏ vì kiêu hãnh) một trong những câu nói Ignatius Gallaher khi chàng gặp tình thế khó khăn.

"Đã nửa đời người rồi các bạn ơi", anh thường vui vẻ nói. "Tôi phải suy tính làm chuyện gì mới được."

Đó là tất cả niềm tâm sự Gallaher và khốn nỗi, người ta không thể không khâm phục anh về điểm đó.

Chandler rảo bước. Lần đầu tiên trong đời chàng cảm thấy chàng hơn những người chàng đi qua. Lần đầu tiên, tâm hồn chàng bất mãn với vẻ thô sơ buồn tẻ của đường Capel. Không còn phải nghi ngờ gì nữa; nếu bạn muốn thành công, bạn phải đi xa. Bạn không thể làm gì nên chuyện được tại Dublin. Trong khi chàng đi qua Cầu Grattan chàng nhìn xuống dòng sông về phía những bến ở phía dưới và cảm thấy thương cho những căn nhà nghèo khổ lụp xụp. Đối với chàng, những căn nhà đó có vẻ là một đoàn du thủ du thực chen chúc nhau dọc theo bờ sông với những chiếc áo cũ kỹ phủ đầy bụi và bồ hóng, ngơ ngác trước cảnh mặt trời lặn và chờ luồng khí lạnh đầu tiên của ban đêm để thúc giục họ đứng dậy, chuyển mình và ra đi. Chàng tự hỏi không biết chàng có thể viết được một bài thơ để phô diễn tư tưởng của chàng không. Có lẽ Gallaher có thể đăng giúp chàng trên một tờ báo nào đó ở Luân-đôn. Chàng có thể viết được bài nào độc đáo không? Chàng không biết chắc chàng muốn diễn tả tư tưởng gì, những ý nghĩ rằng một giây phút thơ mộng đã đến với chàng đã thành hình trong lòng chàng như một niềm hy vọng mới manh nha. Chàng mạnh bạo tiến bước.

Mỗi bước chân lại đưa chàng đến gần Luân-đôn hơn, xa đời sống điều độ thiếu mỹ thuật của chàng. Một ánh sáng bắt đầu rung rinh ở chân trời của tâm hồn chàng. Chàng chưa đến nỗi già lắm: 32 tuổi. Tính khí chàng có thể nói chỉ vừa mới tới

độ trưởng thành. Biết bao nhiêu tâm trạng và cảm tưởng chàng muốn phô diễn qua những vần thơ. Chàng cảm thấy những điều đó ở trong con người chàng. Chàng thử cân nhắc tâm hồn chàng xem có phải là một tâm hồn thi sĩ không. Nỗi u buồn là điểm chính của tâm trạng chàng, chàng nghĩ, nhưng là một cái buồn có đượm lòng tin tưởng, tính nhẫn nại và niềm vui vẻ thô sơ. Nếu chàng có thể diễn tả tâm trạng đó trong một tập thơ, có lẽ người ta sẽ nghe theo. Chàng sẽ chẳng bao giờ nổi tiếng, chàng biết vậy. Chàng không thể chinh phục được quần chúng nhưng chàng có thể lôi cuốn được một giới nhỏ những tâm hồn đồng điệu. Những phê bình gia người Anh có lẽ sẽ công nhận chàng là một thi sĩ thuộc môn phái Xen-tích (Celtic) vì giọng buồn của những bài thơ của chàng; ngoài ra chàng còn thêm những ngụ ý. Chàng bắt đầu nghĩ ra những câu và những từ ngữ thể hiện sự chú ý của người ta đến tác phẩm của chàng. "Ông Chandler có tài làm những vần thơ lưu loát và duyên dáng..." "Một nỗi buồn khao khát thắm thía những bài thơ này...", "Âm điệu Xen-tích...". Tiếc rằng tên chàng không có vẻ Ái-nhĩ-lan hơn. Có lẽ nên ghi thêm tên thân mẫu trước biệt hiệu của chàng: Thomas Malone Chandler, hay hơn nữa: T. Malone Chandler. Chàng sẽ nói chuyện đó với Gallaher.

Chàng hăng say để tâm hồn theo đuổi giấc mơ đến nỗi chàng đã đi qua khỏi phố và chàng quay trở lại. Khi chàng tới gần nhà hàng Corless, niềm xúc động lúc ban đầu lại chiếm đoạt chàng và chàng lưỡng lự dừng lại trước cửa. Cuối cùng chàng mở cửa bước vào.

Ánh sáng và tiếng ồn ào trong nhà khiến chàng dừng lại ở cửa trong giây lát. Chàng nhìn chung quanh nhưng chỉ thấy lờ mờ vì ánh sáng chói của nhiều ly rượu vang xanh đỏ. Hình như nhà hàng đông nghẹt và chàng cảm thấy khách hàng đang tò mò quan sát chàng. Chàng đưa mắt nhìn hai bên (chàng hơi cau mày một chút để làm cho mục đích nhìn của chàng có vẻ đứng đắn), nhưng khi mắt chàng đã nhận rõ,

chàng không thấy ai quay lại ngó chàng; và kia kìa Ignatius Gallaher đang đứng dựa lưng vào quầy, hai chân dang ra.

"Ê, bồ, con người anh hùng thua xưa, mãi bây giờ mới thấy anh! Ta phải làm gì đây? Anh uống gì? Tôi dùng whisky đây: rượu uống không pha ngon hơn là pha nước. Anh dùng sôđa hay Lithine? Anh không dùng nước suối à? Tôi cũng thế. Nó làm mất hương vị rượu đi. Này, bồ, mang hai ly nữa whisky lại đây, lẹ lên nhé... Nào, công việc anh ra sao từ khi gặp anh lần chót? Trời, chúng ta già đi nhiều quá! Anh có thấy tôi già đi không? Hừ, cái gì? Tóc đã hoa râm và thưa trên đỉnh đầu - hả?"

Ignatius Gallaher lật mũ ra và cho thấy một cái đầu to, tóc hớt ngắn. Mặt anh nặng, xanh xao và mày râu nhẵn nhụi. Đôi mắt anh màu xanh đá làm cho anh bớt vẻ xanh xao ốm yếu và sáng ngời trên chiếc cà vạt màu da cam tươi anh đeo. Giữa những nét nghịch nhau này, môi anh có vẻ trẻ ra không thành hình thù gì và lợt lạt. Anh cúi đầu xuống và hai ngón tay anh sờ một cách đầy thiện cảm mớ tóc thưa trên đỉnh đầu. Chandler lắc đầu tỏ vẻ phủ nhận. Ignatius Gallaher đội mũ lại.

Anh nói: "Đời sống ký giả, nó làm người ta suy nhược đi. Lúc nào cũng vội vàng tất tả, tìm kiếm bản thảo và nhiều khi không thấy; và rồi, bao giờ cũng phải có cái gì mới mẻ cho tờ báo. Anh này, tôi bắt chấp cả bài chữa và thợ in trong vài hôm. Tôi thấy rất khoan khoái, được về quê hương cũ. Được nghỉ vài ngày là một điều hay. Tôi cảm thấy cực kỳ sung sướng từ lúc tôi đặt chân lại trên đất Dublin dơ bẩn này... Và mong bồ mãi, thì đây rồi. Anh muốn thêm nước à? Hể thôi thì bảo nhé!"

Chandler để cho pha whisky thật loãng.

"Anh không biết thế nào là vừa uống cho anh à?" Gallaher nói.

"Tôi uống nguyên chất" Chandler nói, một cách khiêm tốn
"Thường thường tôi uống rất ít. thỉnh thoảng uống một nửa ly khi gặp một người trong nhóm bạn cũ; có thể thôi."

Gallagher mừng rỡ nói: "Đây là để mừng chúng ta, mừng những ngày xa xưa và tình bạn cũ."

Họ chạm ly và uống chúc mừng nhau.

Ignatius Gallagher nói: "Hôm nay tôi đã gặp mấy đứa trong tụi cũ. O'Hara hình như đang gặp khó khăn. Nó làm gì thế?"

Chandler nói: "Chẳng làm gì cả. Nó đang bị sa sút."

"Nhưng Hogan có địa vị khá phải không?"

"Phải, nó ở trong Ủy-ban Điền-địa."

"Tôi có gặp nó một đêm tại Luân-đôn và nó có vẻ làm ăn phần chấn lăm... Tội nghiệp cho O'Hara! Chắc nó rượu chè be bét?"

"Còn nhiều cái khác nữa," Chandler nói vắn tắt.

Gallagher cười rộ. Anh nói:

"Tôi thấy anh không thay đổi mấy may. Anh vẫn là con người đứng đắn hay thuyết pháp tôi những buổi sáng chủ nhật ngày xưa, khi tôi nhức đầu hay đắng miệng vì hôm trước uống rượu nhiều quá. Rồi anh sẽ thích du lịch đó đây trên thế giới. Anh có đi tới đâu bao giờ không?"

"Tôi đã tới đảo Man (gần Dublin)", Chandler trả lời.

Gallagher cười rộ:

"Đảo Man! Anh phải đi Luân-đôn hay Paris; lựa Paris hơn. Đi Paris sẽ giúp ích cho anh nhiều lăm."

"Anh đã thấy Paris chưa?"

"Phải nói rằng tôi đã thấy Paris rồi. Tôi có qua đó một thời gian ngắn."

"Paris có thật đẹp như người ta nói không?" Chandler hỏi. Chàng nhấp một chút rượu trong khi Gallagher mạnh dạn uống cạn ly của mình.

"Anh hỏi có đẹp không à?" Gallagher nói rồi ngừng lại như thưởng thức câu đó và hương vị của rượu. "Không đẹp lăm,

anh ạ. Cố nhiên đẹp... Nhưng đời sống ở Paris; đó mới là điều đáng kể. Hừ! Không có một thành phố nào có thể sánh được với Paris về vui vẻ, hoạt động và nhộn nhịp..."

Chandler uống cạn ly rượu và sau một vài phút bối rối, chàng ra hiệu được cho bồi bàn trông thấy. Chàng bảo mang lại cũng thứ rượu đó.

"Tôi đã vào nhà hàng Moulin Rouge", Gallaher tiếp tục câu chuyện, khi bồi bàn đã dọn ly, "và tôi đã vào tất cả các quán cà phê của khách giang hồ. Họ vui nhộn lắm. Đó không phải là chỗ dành cho một người ngoan ngoãn như anh đâu."

Chandler làm thinh cho tới khi bồi bàn mang hai ly trở lại: chàng chạm cốc nhẹ nhàng với bạn và nâng ly chúc mừng lại bạn. Chàng bắt đầu cảm thấy thất vọng đôi chút. Giọng của Gallaher và cách ăn nói của anh làm chàng không thích. Có một vẻ gì tầm thường ở bạn chàng mà chàng không nhận thấy trước kia. Nhưng có lẽ đó chỉ là kết quả của cuộc sống ở Luân-đôn giữa sự bận rộn và cạnh tranh trong làng báo. Vẻ hấp dẫn của anh khi xưa hãy còn đó dưới cử chỉ lơ đãng mới mẻ này. Và, dù sao chẳng nữa, Gallaher đã từng sống nhiều, anh đã biết đó biết đây. Chandler nhìn bạn với con mắt thêm muồn.

"Ở Paris, cái gì cũng vui," Gallaher nói. "Người ta tin rằng phải vui hưởng cuộc đời, và anh có thấy họ nghĩ như vậy là phải không? Nếu anh cũng muốn hưởng thú vui ở đời cho đúng nghĩa, anh phải đi Paris. Và anh phải biết rằng ở đó họ có nhiều cảm tình với người Ái-nhĩ-lan. Khi họ nghe nói tôi từ Ái-nhĩ-lan đến, họ như muốn nuốt chửng tôi, bồ ạ."

Chandler nhấp ly rượu bốn năm lần. Chàng hỏi:

"Anh cho tôi hay, có thật Paris là một thành phố phóng đảng lắm như người ta nói không?"

Ignatius giơ tay phải lên làm dấu thánh giá.

"Nơi nào mà không phóng đảng", anh nói. "Cố nhiên, người ta thấy có nhiều món lạ ở Paris. Chẳng hạn, anh đi dự một

trong những buổi khiêu vũ của sinh viên. Thật là sống động, nếu anh thích, khi các cô ả bắt đầu không giữ gìn gì nữa. Tôi chắc anh biết các cô ả đó là ai rồi chứ?"

"Tôi có nghe nói tới họ," Chandler nói.

Ignatius Gallaher uống hết whisky và lắc đầu. Anh nói:

"Ừ, anh muốn nói gì thì nói. Không có người đàn bà nào sánh được với gái Paris về phương diện lịch sự và sinh lực."

"Vậy thì Paris là một thành phố trụy lạc rồi," Chandler nói và rụt rè nhấn mạnh vào điều đó. "Tôi muốn nói so sánh với Luân-đôn hay Dublin"

"Luân-đôn à?" Gallaher nói, "Thì cũng là nửa nọ nửa kia, chứ không kém. Cứ hỏi Hogan thì rõ bồ ạ. Tôi đã cho y biết một chút về Luân-đôn khi y qua đó. Y sẽ mở mắt cho anh... Này, bồ đừng nhấp hớp một whisky, uống cạn đi."

"Không, chịu thôi..."

"Ồ, cố lên, một ly nữa không có hại gì cho anh đâu. Anh uống gì? Cũng lại thứ ấy hản?"

"Ừ... thôi được."

"François, cũng thứ đó... Anh hút thuốc không?"

Gallaher đưa ra hộp xì gà. Đôi bạn châm thuốc và yên lặng hút cho tới khi bồi đưa rượu tới.

Nhờ ra khỏi đám khói mịt mù bao quanh người anh một lúc, Gallaher nói: "Tôi sẽ cho anh hay ý kiến của tôi. Thế giới này kỳ quặc lắm. Nói tới trụy lạc! Tôi đã nghe nói tới những trường hợp - tôi đã nói gì nhỉ? - đúng hơn là tôi biết rõ những trường hợp trụy lạc..."

Gallaher hút điếu xì gà một cách suy tư, và sau đó bằng một giọng bình tĩnh như một sử gia, anh bắt đầu mô tả cho bạn thấy mấy cảnh trụy lạc thông thường ở ngoại quốc. Anh tóm tắt những xấu xa của nhiều thủ đô và có vẻ muốn tặng giải quán quân cho Bá-ling. Có những chuyện anh không bảo đảm xác thực (bạn anh đã kể cho anh nghe), nhưng về các

chuyện khác thì anh có kinh nghiệm bản thân. Anh không nể nang địa vị hay giai cấp nào. Anh tiết lộ những bí mật của nhiều tu viện trên lục địa và tả những lễ lối hợp thời trang trong giới thượng lưu và chấm dứt bằng một câu chuyện về một bà quận công người Anh, câu truyện mà chàng biết là có thực. Chandler sửng sốt.

"Ừ", Gallaher nói: "Thì ra chúng ta đang sống ở thành Dublin tẻ ngắt, nơi mà không ai hay biết gì về những chuyện đó."

"Sau khi đã đi thăm tất cả những nơi khác," Chandler nói, "Chắc anh phải thấy đây buồn tẻ lắm."

"Thật ra", Gallaher nói, "Anh biết, về đây là để nghỉ ngơi. Và dù sao, đây cũng là quê hương bản quán như người ta nói, phải không. Mình không thể không có chút cảm tình với quê hương. Bản chất con người mà... Nhưng này anh hãy kể cho tôi nghe chuyện về anh đi. Hogan bảo tôi rằng anh đã... hưởng vui thú hạnh phúc gia đình. Đã hai năm rồi, phải không?"

Chandler đỏ mặt và mỉm cười, chàng nói:

"Phải, tôi cưới tháng Năm năm ngoái, đã được mười hai tháng."

"Tôi mong hôm nay tôi chúc anh cũng không quá muộn," Gallaher nói: "Tôi không biết địa chỉ của anh, nếu không tôi đã gửi lời chúc mừng anh khi đó."

Anh chìa bàn tay và Chandler nắm lấy.

"Tôi chúc anh và chị mọi sự vui vẻ, bồ ọ, và phát tài và bách niên giai lão. Và đây là lời chúc mừng của một người bạn chân thành, một người bạn cố tri. Anh biết chứ?"

"Tôi biết," Chandler nói.

"Có cháu nhỏ nào chưa?" Gallaher hỏi.

Chandler lại đỏ mặt. Chàng nói:

"Chúng tôi có một cháu."

"Trai hay gái?"

"Trai."

Gallagher vỗ đánh đét một cái vào lưng bạn.

"Hoan hô," anh nói, "Tôi thật sự tin tưởng ở anh."

Chandler mỉm cười, thẹn thùng nhìn ly rượu và căn môi dưới với ba chiếc răng cửa trắng như răng sữa.

"Tôi mong anh sẽ đến chơi với chúng tôi một buổi tối," chàng nói, "trước khi anh về Luân-đôn. Nhà tôi sẽ vui mừng được gặp anh. Chúng ta sẽ nghe nhạc và..."

"Cám ơn bồ nhiều lắm," Gallagher nói, "tiếc rằng không gặp nhau sớm hơn. Nhưng tối mai tôi phải đi rồi."

"Có lẽ tối nay được chăng...?"

"Rất tiếc, anh biết rằng tôi về đây cùng với một bạn khác, anh ấy cũng thông minh và trẻ như anh và chúng tôi đã sắp đặt đánh bài. Tuy nhiên, đối với..."

"Ồ, nếu vậy thì..."

"Nhưng biết đâu?" Gallagher nói một cách dè dặt. "Sang năm tôi có thể lại về chơi sau khi tôi đã về thử một lần. Thôi chúng ta đợi dịp khác vậy."

"Tốt lắm," Chandler nói, "lần sau anh về chúng ta phải đi với nhau suốt buổi tối. Anh đồng ý chứ?"

"Đồng ý," Gallagher nói, "sang năm nếu tôi về, xin lấy danh dự thể như vậy."

"Và để kết thúc," Chandler nói, "chúng ta uống với nhau một ly nữa."

Ignatius Gallagher lấy chiếc đồng hồ vàng lớn ra và xem giờ.

"Có phải là ly cuối cùng đấy không? Vì anh biết, tôi có hẹn."

"Nhất định là ly cuối cùng chứ."

"Vậy thì được, chúng ta uống thêm một ly nữa, deoc an doruis – tiếng Ái-nhĩ-lan mình là một ly rượu whisky nhỏ phải

không anh?"

Chandler gọi rót rượu. Mặt chàng lúc trước bừng đỏ bây giờ đỏ hỏn. Một chuyện không đâu cũng làm chàng đỏ mặt bất cứ lúc nào; và bây giờ, chàng thấy nóng bừng và bồn chồn. Ba ly nhỏ whisky đã bốc lên đầu chàng và điệu xì-gà nặng của Gallaher đã làm cho trí óc chàng mất sáng suốt, vì người chàng vốn yếu và không quen uống rượu và hút thuốc. Tình cờ gặp Gallaher sau tám năm xa cách và ngồi cùng với Gallaher trong nhà hàng Corless giữa ánh đèn và tiếng ồn ào, nghe chuyện của Gallaher và được góp phần dù chỉ là một lúc thôi vào đời sống phiêu bạt lầy lừng của Gallaher, bấy nhiêu điều đã làm đảo lộn thể quân bình của bản chất dễ xúc cảm của chàng. Chàng cảm thấy một cách sâu sắc sự khác biệt giữa đời chàng và đời bạn, và chàng cảm thấy điều đó bất công. Gallaher kém chàng về gia thế giáo dục. Chàng tin chắc rằng chàng có thể làm được một việc gì hay hơn những gì bạn chàng đã làm hay sẽ làm, một điều gì cao quý hơn là nghề làm báo chí hào nhoáng bề ngoài, nếu chàng gặp may mắn. Cái gì đã cản bước đường của chàng? Chàng muốn bênh vực cho mình bằng cách nào đó để tỏ rõ tính cách trượng phu của chàng. Chàng nhìn rõ ý nghĩa của việc Gallaher từ chối lời mời của chàng. Gallaher tỏ tình thân thiện với anh chỉ để mà lên mặt kẻ cả cũng như Gallaher tỏ ra là kẻ cả khi về thăm Ái-nhĩ-lan.

Bồi bàn mang rượu lại. Chandler đẩy một ly lại phía bạn và chàng mạnh bạo nhắc ly kia lên.

"Biết đâu," chàng nói, trong khi hai người nâng cốc, "sang năm khi anh trở lại, tôi lại không được hân hạnh chúc anh chị Ignatius Gallaher hạnh phúc và bách niên giai lão."

Vừa uống rượu Ignatius Gallaher vừa ý nhị nhắm một mắt ở bên trên miệng cốc. Khi uống xong anh chép miệng một cách cương quyết, đặt ly xuống và nói:

"Khỏi sợ lắm về điều đó, bồ ạ. Tôi sẽ tự do ăn chơi theo sở thích và nếm mùi đời rồi hãy chui đầu vào tròng nếu có bao

giờ tôi đưa đầu vào tròng."

"Một ngày kia anh sẽ làm việc đó," Chandler bình tĩnh nói.

Gallaher nấn lại cà-vạt màu cam tươi và cặp mắt xanh màu đá nhìn thẳng vào bạn.

"Anh nghĩ vậy à?" Anh nói.

"Anh sẽ đưa cổ vào tròng," Chandler nhắc lại một cách mạnh mẽ, "Cũng như tất cả mọi người khác nếu anh tìm được ý trung nhân."

Chàng hơi dần giọng nói và chàng biết rằng chàng đã tự thú, nhưng tuy mặt chàng bừng đỏ hơn nhưng chàng không có vẻ bối rối trước cái nhìn của bạn, Ignatius Gallaher nhìn chàng một lúc rồi nói:

"Nếu có bao giờ chuyện đó xảy ra thì anh có thể cá bao nhiêu tiền tôi cũng cá là tôi sẽ không mất thì giờ nhiều hay yêu đương gì hết. Ý định của tôi là đào mỏ. Nàng sẽ có một trương mục lớn tại ngân hàng nếu không là không xong với tôi."

Chandler lắc đầu.

Gallaher hăng say nói: "Anh có biết chuyện gì không? Tôi chỉ cần nói lên một tiếng là ngày mai tôi có thể có vợ và tiền. Anh không tin? Phải! Tôi biết mà. Có hàng trăm, hàng nghìn chứ chẳng phải hàng trăm, cô người Đức và Do-Thái, giàu nứt đổ đổ vách không mong muốn gì hơn là... Rồi anh sẽ thấy. Anh sẽ thấy tôi đánh ván bài có đúng không. Khi tôi làm một việc gì là tôi tính chuyện có tiền, tôi nói cho anh hay. Anh cứ chờ xem."

Anh đưa ly rượu lên môi, uống cạn ly và cười rộ. Rồi anh suy nghĩ nhìn về trước mặt và nói bằng giọng bình tĩnh hơn:

"Nhưng tôi không vội gì. Cứ để cho họ chờ đợi. Tôi không thích trói buộc mình vào một người đàn bà, anh biết chứ."

Miệng anh bắt chước cử chỉ của người ném đồ ăn và anh nhăn mặt lại.

"Tôi nghĩ rằng một món ăn mãi chắc phải hơi ngấy."

Chandler ngồi trong phòng cách xa căn lớn, hai tay ẵm một đứa bé. Vì muốn tiết kiệm, họ không mượn người giúp việc, nhưng em gái của Annie, cô Monica tới giúp chừng một giờ buổi sáng và cũng chừng một giờ buổi chiều. Nhưng Monica đã về nhà từ lâu rồi. Lúc đó là 9 giờ kém 15 rồi. Chandler về nhà uống trà muộn, ngoài ra chàng quên không mang về cho Annie gói cà phê từ tiệm Bewley. Dĩ nhiên nàng cau kính và trả lời chàng gióng một. Nàng nói nàng sẽ không uống trà hôm đó nhưng khi nhà hàng góc phố gần tới giờ đóng cửa, nàng quyết định chính nàng đi mua nửa cân trà và một cân đường. Nàng khéo léo đặt đứa bé đang ngủ vào tay chàng và nói:

"Này. Đừng đánh thức nó đấy."

Một cây đèn nhỏ có chụp đèn bằng sứ đặt trên bàn và ánh sáng chiếu lên một bức hình lồng trong một tấm khung bằng sừng ép. Đó là ảnh Annie. Chandler ngắm bức ảnh, mắt chàng dừng trên đôi môi mỏng mím chặt. Nàng mặc chiếc áo dài mỏng, màu xanh da trời nhạt chàng mua tặng nàng một hôm thứ Bảy. Chàng phải trả cái áo đó 10 shilling 11 xu, nhưng áo đó còn làm cho chàng ức đến chết đi được. Hôm đó chàng phải khổ sở như thế nào, đợi ngoài cửa cho tới khi trong nhà vẫn khách, đứng tại quầy hàng và cố gắng tỏ ra không nóng nảy trong khi cô bán hàng chất những chiếc áo dài đàn bà lên thành đống trước mặt chàng, trả tiền tại quầy mà quên không lấy đồng xu người ta trả lại rồi được người thu ngân gọi lại, và cuối cùng khi ra khỏi tiệm cố gắng che dấu nỗi thẹn thùng đỏ mặt bằng cách xem lại gói áo xem có buộc kỹ không. Khi chàng mang áo về nhà, Annie hôn chàng và nói áo đẹp và hợp thời trang lắm, nhưng khi nghe nói tới giá tiền thì nàng ném chiếc áo lên bàn và nói rằng tính chiếc áo giá 10 shilling 11 xu thì thật là lường gạt trắng trợn. Mới đầu nàng muốn mang áo trả lại, nhưng khi nàng thử áo, nàng thích quá, nhất là vì tay

áo cắt khéo, nàng hôn chàng và nói là chàng tử tế quá vì đã nghĩ tới nàng.

Hừ!

Chàng lạnh lùng nhìn cặp mắt trong bức ảnh và cặp mắt lạnh lùng nhìn lại. Chắc hẳn cặp mắt đẹp và chính khuôn mặt cũng đẹp. Nhưng chàng thấy có một vẻ gì tầm thường trong đó. Tại sao khuôn mặt đó lại có vẻ không có hồn và có vẻ đàn bà như thế? Vẻ thần nhiên của đôi mắt làm cho chàng tức tối, đôi mắt đó hắt hủi chàng và khiêu khích chàng: đôi mắt không tình yêu, không say mê. Chàng nghĩ tới những điều mà Gallaher đã nói về những cô gái Do-Thái giàu có. Những cặp mắt đen của người Đông-phương, chàng nghĩ, chan chứa say mê và niềm khao khát tình dục... Tại sao chàng lại cưới người có cặp mắt trong bức ảnh?

Tới câu hỏi đó chàng dừng lại và đưa mắt nóng nảy nhìn quanh phòng. Chàng thấy có một cái gì nhỏ nhen trong những đồ gỗ đẹp mà chàng mua bằng cách trả góp. Chính Annie đã lựa chọn những đồ đạc này và điều này làm chàng sực nhớ tới nàng. Đồ đạc cũng đẹp kiểu cách. Một nỗi uất ức chán đời nảy nở trong lòng chàng. Chàng không thể thoát khỏi căn nhà nhỏ bé của chàng được sao? Đối với chàng thử cố gắng sống can đảm như Gallaher có muện quá không? Chàng có thể đi Luân-đôn được không? Còn phải trả tiền đồ đạc đã. Nếu chàng có thể viết một cuốn sách và xuất bản được thì may ra có thể hy vọng.

Một tập thơ của Byron để trên bàn trước mặt chàng. Chàng cẩn thận mở sách bằng tay trái để khỏi đánh thức thằng bé và chàng bắt đầu đọc bài thơ đầu tiên trong cuốn sách:

*Gió im bật và bóng tối ban chiều yên lặng.
Không có lấy một cơn gió nhẹ thoáng qua những nắm mô,
Trong khi tôi trở lại viếng mộ Margaret thân yêu của tôi,
Và rắc hoa lên đám bụi mà tôi yêu.*

Chàng dừng lại. Chàng cảm thấy âm điệu của vần thơ quanh chàng trong phòng. Nó mới buồn làm sao! Chàng có

thể viết như thế được không? Có nhiều điều chàng muốn diễn tả: cảm xúc của chàng mấy giờ trước đây tại cầu Grattan, chẳng hạn. Nếu chàng có thể trở lại tâm trạng đó...

Đứa bé tỉnh dậy và bắt đầu khóc. Chàng lật trang giấy và thử làm cho nó nín, nhưng nó không chịu nín. Chàng bắt đầu ôm nó đưa qua đưa lại nhưng tiếng khóc oe oe lại trở nên gay gắt hơn... Chàng lắc lư đứa bé mau hơn trong khi đó mắt chàng bắt đầu đọc đoạn thứ hai:

*Xác nàng nằm trong căn mỗ nhỏ hẹp này,
Cái xác mà ở đó đã có lần...*

Vô ích. Chàng không thể đọc được. Chàng không thể làm gì được. Tiếng khóc oe oe như đâm vào màng nhĩ tai chàng. Cánh tay chàng run lên vì tức giận và bất thành linh chàng cúi vào mặt đứa bé và hét lớn:

"Câm mồm đi!"

Đứa bé nín một lúc, giật mình vì sợ, rồi lại bắt đầu hét. Chàng chồm lên khỏi chiếc ghế và vội vàng đi đi lại lại trong phòng tay ôm đứa bé. Nó nức nở khóc thật đáng thương, hết hơi nín đi trong bốn năm giây, rồi lại òa lên. Những bức tường mỏng của căn phòng làm tiếng khóc dội lại. Chàng cố gắng dỗ nó, nhưng nó lại quằn quại và nức nở khóc nhiều hơn. Chàng nhìn vào nét mặt co quắp và run rẩy của thằng bé và bắt đầu hoảng sợ, chàng đếm được bảy tiếng nức nở liên tiếp và sợ hãi ghì chặt thằng bé vào lòng. Lỡ nó chết thì sao?

Cánh cửa bật tung ra và một thiếu phụ hổn hển chạy vào.

"Gì thế? Gì thế" nàng hỏi.

Đứa bé, nghe tiếng mẹ lại nức nở khóc òa lên.

"Không sao đâu, em không sao đâu... Nó bắt đầu la..."

Nàng ném những gói xuống đất và giằng lấy thằng bé khỏi tay chàng.

"Anh làm gì nó thế?" nàng nhìn thẳng vào mặt chàng và hét lên như vậy.

Chandler chịu đựng một lúc cái nhìn của vợ và lòng chàng se lại khi chàng thấy vẻ căm hờn trong cặp mắt đó. Chàng bắt đầu ấp úng:

"Có gì đâu... Nó... nó khóc... Anh không thể... Anh có làm gì đâu... Sao?"

Không thèm để ý tới chàng, nàng bắt đầu đi đi lại lại trong phòng, tay ghì chặt thừng bé và lẩm nhẩm:

"Con yêu của mẹ, con yêu của mẹ ơi! Con sợ ư, cưng? Thôi nào, cưng thôi nào... Cưng ơi! Thằng cu yêu quý nhất đời của mẹ ơi! Nín đi nào."

Chandler cảm thấy má chàng nóng bừng bừng vì hổ thẹn và chàng lùi lại khuất sau ánh đèn. Chàng lắng tai nghe trong khi tiếng gào nức nở của con chàng giảm xuống dần dần và giọt lệ hối hận trào lên mi mắt chàng.

Đám tang của một điêu khắc gia – Willa Cather

Một toán dân trong thành phố đứng trên đường toa xe đỗ của nhà ga tại một thành phố nhỏ thuộc tiểu bang Kansas để đợi một chuyến tàu đêm đã bị chậm tới 20 phút.

Tuyết đã rơi dày đặc lên mọi vật; trong ánh sao mờ, những hàng vách núi ở phía bên kia những cánh đồng cỏ rộng màu trắng, làm thành những đường cong mềm mại màu khói trên nền trời sáng. Những người đang chờ đợi ở đó đều đổi chân đứng dựa luôn luôn vì mỏi, tay thọc sâu vào túi quần, áo khoác ngoài mở rộng và hai vai so lên vì lạnh; thỉnh thoảng họ liếc nhìn về phía Đông Nam, là nơi đường xe lửa lượn theo bờ sông. Họ nói chuyện xì xào với nhau và đi tới đi lui tỏ vẻ nóng ruột dường như không biết nên làm gì. Chỉ có một người trong bọn có vẻ như biết chắc lý do vì sao mình tới đó, và người ấy đứng riêng hẳn ra; y đi đến đầu kia của sân ga, quay lại cửa nhà ga, rồi lại dọc theo đường sắt mà bước đi. Cầm y thụt vào trong cổ cao của chiếc áo khoác ngoài, đôi vai vạm vỡ của y ngả về phía trước, dáng đi của y nặng nề và quả quyết. Ngay lúc đó, có một người đàn ông cao lớn, gầy, tóc hoa râm, mình vận một bộ y phục Đại Quân tiến đến gần y. Người này lê bước khỏi đám đông và tiến lại, vẻ lễ phép, cổ vươn dài về phía trước cho tới khi lưng hẳn gập lại như con dao nhíp mở ra chừng ba phần tư.

Hắn nói bằng một giọng the thé: "Anh Jim ạ, tôi chắc đêm nay tàu lại chậm nữa, có lẽ vì tuyết chẳng?"

"Tôi không biết," người kia trả lời, có vẻ hơi bực bội, tiếng nói phát ra từ một chòm râu đỏ um tùm, mọc tua tủa dày đặc ở bốn phía.

Người đàn ông gầy đưa cái tăm xỉa răng bằng lông vũ mà hắn đang nhai sang mép bên kia. Hắn nói thêm bằng một giọng có vẻ suy tư:

-Tôi đoán, có lẽ không có ai ở miền Đông đi theo thi hài xuống đây.

-Tôi không biết.

Người kia trả lời cụt lủn hơn nữa.

-"Thật đáng tiếc ông ta không thuộc về một đoàn thể nào. Tính tôi thích đám táng do một đoàn thể tổ chức. Như vậy có vẻ thích hợp hơn với những người có chút danh tiếng." Người đàn ông gầy nói tiếp và trong tiếng nói the thé của hắn có một vẻ khéo léo để lấy lòng người nói trong khi hắn cẩn thận nhét chiếc tấm xỉa răng vào trong túi áo. Hắn vẫn thường cầm cờ cho các đám táng Đại Quân trong tỉnh.

Người đàn ông vạm vỡ quay gót trở lại, không trả lời, rồi đi ngược lên theo đường toa xe đõ. Người đàn ông gầy lại nhập vào bọn người đang nóng lòng đứng chờ. "Lão Jim vẫn say rượu mềm như mọi ngày," hắn phê bình có vẻ như thương xót họ.

Ngay lúc đó, một tiếng còi xa xa vang lên, và có tiếng lê chân trên sân ga. Một số thanh niên gầy và cao, thuộc đủ mọi hạng tuổi xuất hiện một cách đột nhiên và khúm núm như những con lươn bị tiếng sét đánh thức dậy; có một số chạy ra khỏi phòng đợi, nơi họ vừa đứng sưởi bên cạnh chiếc lò than đỏ, hay ngồi ngủ gà ngủ gật trên những chiếc ghế băng nan tre; có người ở trong những xe hành lý, hay những toa tốc hành chui ra. Có hai người trèo xuống khỏi chiếc ghế của xà ích trong một cái xe tang đậu sát bên lề đường toa xe đõ. Bọn họ vươn vai và ngẩng đầu lên, và một tia sáng rộn ràng bùng lên trong những đôi mắt lơ lơ của họ khi tiếng còi lạnh lẽo, rung động nổi lên như tiếng kêu gọi nam nhi trên khắp thế giới. Tiếng còi làm họ xúc động như một tiếng kèn, cũng như tiếng còi đã từng làm xúc động con người đang trên đường về quê hương hôm nay khi người ấy còn trẻ tuổi.

Chuyến tàu tốc hành đêm, đỏ như chiếc hỏa tiễn, chạy vun vút tới từ những đồng lầy về phía Đông, lượn theo bờ sông dưới những rặng cây bạch dương rung rinh bên cạnh những

cánh đồng cỏ, và nhả khói ra từng đám lớn xám trên nền trời sáng và làm mờ cả sông Ngân Hà. Một lát sau, ánh sáng đỏ của đèn đầu tàu chiếu dọc theo đường tàu phủ đầy tuyết trước ga và lóng lánh phản chiếu trên những đường rầy đen và ướt. Người đàn ông vạm vỡ có bộ râu đỏ sòm soàm vội vã đi ngược sân ga về phía con tàu đang tới gần, vừa đi vừa bỏ mũ ra. Bọn người đằng sau y ngấp ngừng, đưa mắt nhìn hỏi nhau rồi vụng về đi theo y. Tàu dừng lại và đám đông lê bước chạy tới toa xe tốc hành lúc đó đã mở cửa toang ra. Người đàn ông mặc bộ binh phục Đại Quân tò mò ngó cổ về phía trước. Người được đặc phái đi đưa tin hiện ra ở cửa toa cùng với một thanh niên mặc áo choàng dài và đội mũ kiểu du lịch.

Người thanh niên hỏi: "Bạn hữu của ông Merrick có đây không?"

Bọn người đứng trên sân ga ngấp ngừng một cách không tự nhiên. Ông chủ ngân hàng là Philip Phelps trịnh trọng trả lời: "Chúng tôi đến đây để nhận lãnh thi thể. Cha ông Merrick yếu lắm nên không thể tới được."

Người đưa tin cầu nài: "Cho người đại diện tới đây và bảo điện tín viên giúp cho một tay."

Người ta khiêng chiếc quan tài ra khỏi cái thùng và đưa xuống sân ga đầy tuyết. Đám dân thành phố lùi lại để nhường chỗ cho chiếc quan tài rồi lại xúm lại chung quanh quan tài và tò mò nhìn chiếc lá kê đặt trên nắp quan tài màu đen. Không ai nói năng gì. Người phu khuân vác đứng cạnh xe của hắn để đợi lấy hành lý. Đầu máy thở phì phào một cách nặng nhọc, và người thợ đốt lò chạy tới chạy lui giữa các bánh xe, tay cầm ngọn đuốc cháy vàng và một hộp dầu dài, và hắn ta đập nắp trục bánh xe lại mỗi khi tra dầu xong. Một thanh niên người tỉnh Boston, là một trong số đồ đệ của nhà điêu khắc đã quá cố cùng hộ tống thi thể, bối rối nhìn quanh mình. Gã quay lại phía ông chủ ngân hàng là người độc nhất trong cái đám người đen ngòm, ngượng nghịu và co ro, xem ra còn có đủ tư cách để cho người ta muốn hỏi tới.

"Không có anh em nào của ông Merrick tới đây sao?" Gã hỏi bằng giọng như vậy.

Người đàn ông có bộ râu đỏ lần đầu tiên bước ra nhập bọn với các người khác và nói: "Không, họ chưa tới; gia đình họ hiện bị phân tán cả. Thi thể sẽ đưa thẳng về nhà họ." Y cúi xuống và nắm lấy một quai của chiếc quan tài.

"Nên đi theo con đường dài lên đồi, anh Thompson ạ; đường đó đi ngựa dễ dàng hơn," người phụ tá kêu lên như vậy trong khi người chủ thầu đám táng đóng sập cửa chiếc xe tang và sắp sửa trèo lên chỗ ngồi lái.

Laird, lão trạng sư râu đỏ, lại quay lại nói với người lạ mặt: "Chúng tôi không được biết có ai đi theo thi thể hay không. Đường đi xa lắm, vì vậy ông nên lên xe ngựa đi." Y trở vào một chiếc xe độc mã ọp ẹp, nhưng người thanh niên trả lời cương quyết: "Cám ơn ông, tôi muốn cùng đi với xe tang." Rồi gã quay lại phía người chủ thầu đám táng và nói: "Nếu ông cho phép, tôi sẽ đi cùng xe với ông."

Họ trèo lên xe, rồi cho xe chuyển bánh dưới ánh sao, ngược lên ngọn đồi dài và trắng về phía thành phố. Những ngọn đèn trong làng yên lặng lấp lánh dưới những mái nhà thấp nặng trĩu vì tuyết phủ; và xa xa ở khắp bốn phía, những cánh đồng lan ra tới tận khoảng không trống rỗng, yên lành và rộng lớn như vòm trời êm dịu, và chìm đắm trong một bầu không khí yên tĩnh rõ rệt và trắng toát.

Khi chiếc xe tang ngừng lại bên hè lát gỗ trước một căn nhà trống trải cũ kỹ vì mưa gió, cũng cái đám đông phức tạp và khó tả tụ họp ở ngoài ga khi nãy, bây giờ lại tùm tùm lại ở cổng. Sân trước nhà là một bãi lầy đã đông thành băng, và một vài tấm ván cong queo bắc từ vỉa hè vào tới cửa làm thành một cái cầu ọp ẹp. Cổng nhà chỉ còn một cái bản lề nên phải khó khăn mới mở rộng ra được. Steavens, người thanh niên lạ mặt, nhận thấy có vật gì màu đen buộc ở nắm cửa trước.

Tiếng kèn kẹt của chiếc quan tài kéo từ xe tang xuống được một tiếng kêu thét từ trong nhà vọng ra đáp lại; cửa trước bật mở tung ra và một người đàn bà cao lớn, vạm vỡ để đầu trần chạy vọt ra ngoài trời đang mưa tuyết, và ôm chầm lấy chiếc quan tài, miệng kêu thất thanh: "Con ơi, hỡi con ơi! Con trở về nhà với mẹ thế này đây!"

Trong khi Steavens ngoảnh mặt đi và nhắm mắt lại rùng mình vì một sự ghê tởm không thể thốt nên lời được thì một người đàn bà khác cũng cao lớn, nhưng gầy và xương xẩu mặc toàn đồ đen, chạy vọt ra khỏi nhà, nắm lấy vai bà cụ Merrick mà kêu lên: "Về đi, về đi mẹ ơi; không nên làm như thế này nữa!"

Giọng cụ trở nên trịnh trọng khúm núm khi cụ quay lại nói với ông chủ ngân hàng: "Phòng khách đã sẵn sàng cả rồi, thưa ông Phelps."

Bọn người khuân chiếc quan tài đi trên những tấm ván hẹp trong khi người chủ thuê đám táng chạy đằng trước mang những giá đỡ quan tài. Họ đưa chiếc quan tài vào trong một phòng lớn không sưởi nóng và có mùi ẩm ướt, mùi mốc và cả mùi si đánh bàn ghế, rồi đặt xuống phía dưới một cái đèn treo có những lăng kính kêu leng keng và đằng trước pho tượng John Alden và Priscilla của điêu khắc gia Rogers có cây leo nhân tạo vấn quanh. Henry Steavens trở mắt ra nhìn quanh mình với một niềm tin tưởng chán chường là đã có một sự lầm lẫn, rằng vì một lý do nào đó gã đã tới lầm nhà. Gã nhìn kỹ tấm thảm, những nệm ghế dày bằng vải nhung thô, và tìm trong số những tấm bảng và những bình bằng sứ vẽ tay, để cố kiếm ra một dấu hiệu gì làm bằng, để cố kiếm ra một vật gì mà gã có thể tin được là của Harvey Merrick. Mãi tới khi gã nhận ra nét bút của bạn trong một bức chân dung bằng bút chì vẽ một cậu bé mặc váy và tóc quăn treo trên đàn dương cầm, gã mới cảm thấy vui lòng để cho những người quanh đó tới gần quan tài.

"Mở nắp quan tài ra, ông Thompson, để cho tôi trông thấy mặt con tôi," người đàn bà già nức nở kêu lên như vậy. Lần này Steavens vẻ sợ hãi, gần như van xin, nhìn vào tận mặt mộ già, một bộ mặt đỏ và sưng húp híp dưới những mớ tóc đậm, đen và bóng. Gã đỏ mặt, cúi nhìn xuống và rồi lại nhìn lên một cách gần như nghi hoặc. Có một vẻ gì mạnh mẽ trên mặt người đàn bà có thể nói là một vẻ đẹp hung ác nữa; nhưng trên khuôn mặt đó có những vết sẹo và vết nhăn của tàn bạo và những tình cảm mãnh liệt hơn nữa đã đem lại cho khuôn mặt đó một màu sắc đặc biệt và làm cho nó mất hết vẻ thanh tú, khiến cho nổi buồn hình như không bao giờ có thể in dấu lên được nữa. Chiếc mũi dài căng ra và có bướu ở đầu, và hai bên mũi có nhiều vết nhăn sâu; đôi lông mày rậm đen của mộ hầu như giao nhau trên trán, răng mọc lớn, vuông và rất thưa, những chiếc răng có thể xâu xé người ta được. Trong phòng hình như chỉ có một mình mộ, bọn đàn ông bị lu mờ hết, hình như bị đưa đẩy như những cành que trên giòng nước chảy xiết và cả đến Steavens cũng cảm thấy như bị thu hút vào trong giòng nước xoáy.

Người con gái – người đàn bà cao lớn xương xẩu bần đồ đen, trên đầu có gài chiếc lược để tang làm cho mặt mộ dài thêm ra một cách lạ lùng – ngồi cứng nhắc trên ghế dài, hai bàn tay mộ để trong lòng rất dễ nhận vì có những đốt thật lớn, miệng và đôi mắt mộ sụ xuống; mộ trịnh trọng ngồi đợi mở nắp áo quan. Có một người đàn bà lai da đen đứng gần cửa, chắc hẳn là một gia nhân, có dáng điệu bẽn lẽn và một khuôn mặt hốc hác hiền từ và ủ rũ một cách đáng thương hại. Người này lặng lẽ khóc, lấy góc chiếc áo yếm bằng vải trúc bầu đưa lên lau mắt, thỉnh thoảng cố nén một tiếng nức nở dài. Steavens bước lại đứng bên cạnh người ấy.

Có tiếng bước chân nhè nhẹ trên cầu thang, và một ông già cao lớn và mảnh dẻ, sặc mùi thuốc lá, có mái tóc hoa râm lờm chờm rối bù, một chòm râu lem luốc, và vết tàn thuốc lá giầy quanh miệng, ngập ngừng tiến vào. Lão chậm chậm tới gần quan tài và đứng yên, tay mân mê một chiếc mùi soa màu

xanh bằng vải, hình như có vẻ đau đớn và bối rối vì nỗi sầu đau lớn lao của vợ lão đến nỗi lão không còn ý thức nổi điều gì khác nữa.

"Này này bà ơi, thôi đừng làm như vậy," lão rụt rè nói giọng run run và đưa bàn tay run rẩy ra vỗ khuỷu tay mẹ một cách vụng về. Mẹ vợ quay lại và ngả mình vào vai lão mạnh đến nỗi lão hơi loạng choạng. Lão không hề liếc mắt nhìn quan tài mà chỉ luôn luôn nhìn mẹ với một vẻ lù đù, sợ sệt và cầu khẩn như thể một con chó nhìn cây roi. Hai gò má hóm hèm của lão dần dần ửng đỏ rồi đỏ bừng vì hổ thẹn. Khi vợ lão vùng chạy ra khỏi phòng, con gái mẹ mím môi chạy theo. Người đầy tớ lặng lẽ tiến tới gần quan tài, cúi xuống nhìn trong chốc lát rồi biến vào trong bếp, còn lại chỉ có Steavens, lão luật sư và người bố. Lão già cúi nhìn mặt đứa con trai đã chết. Cái đầu đẹp đẽ của nhà điêu khắc khi nằm yên còn có vẻ cao quý hơn là khi ông còn bình sinh. Mái tóc đen loà soà trên vùng trán rộng; bộ mặt hình như dài lạ lùng, nhưng trên khuôn mặt đó người ta không thấy vẻ yên nghỉ như người ta thường thấy trên nét mặt người chết. Đôi lông mày cau lại khiến có hai nếp nhăn sâu bên trên cái mũi như mỏ chim, và cằm đưa ra phía trước như có vẻ thách thức. Hình như tình trạng cam go của cuộc sống lớn lao và chua chát đến nỗi cái chết cũng không thể làm giảm ngay tinh thần căng thẳng và làm cho nét mặt của ông trở lại bình thản hoàn toàn được, hình như ông vẫn còn canh giữ một vật gì quý báu, mà có thể có kẻ còn giành giật mất của ông.

Đôi môi của ông già mấp máy dưới chòm râu dơ bẩn. Lão quay về phía ông trạng sư, và nói bằng giọng kính cẩn và rụt rè: "Ông Phelps và những người khác cùng đi về với Harvey, phải không? Cám ơn ông, ông Jim." Lão nhẹ nhàng lật mớ tóc trên trán con trai lão lên và nói tiếp: "Nó ngoan lắm, ông Jim ạ, lúc nào nó cũng ngoan ngoãn. Khi nó còn nhỏ, nó hiền lành và ngoan lắm, nhưng không một người nào trong bọn chúng tôi hiểu nổi nó." Nước mắt từ từ chảy xuống chòm râu ông lão và rơi xuống áo của nhà điêu khắc.

"Martin, Martin ơi! Lên đây". Vợ lão từ trên đầu cầu thang gọi xuống. Lão già giật mình sợ hãi: "Được rồi, Annie, tôi lên đây." Lão quay đi, rồi lại ngấp ngừng đứng lại với một vẻ do dự khổ sở; rồi lão với tay lại vỗ nhẹ lên mái tóc người chết và lập cập đi ra khỏi phòng.

"Khổ thân lão già, ông không còn nước mắt để mà khóc nữa. Hình như nước mắt ông đã cạn từ lâu. Ở vào tuổi ông chẳng còn biết gì là đau đớn lắm nữa." Ông trạng sư nhận xét như vậy.

Trong giọng nói của ông có cái gì làm cho Steavens ngừng lên. Khi người mẹ còn ở trong phòng, người thanh niên này gần như không còn nhìn thấy ai khác nữa; nhưng bây giờ khi gã thoát nhìn vào bộ mặt đỏ như son và đôi mắt đỏ ngầu của Jim Laird, gã biết ngay là gã đã tìm được điều mà từ nãy gã đau khổ vì không tìm thấy được – đó là cảm tình, là niềm thông cảm phải có ở một người nào, dù ở ngay đây nữa.

Người này có bộ mặt cũng đỏ như chòm râu, nét mặt sưng lên và không còn có những đường nét rõ rệt vì quá phóng dăng, và có một con mắt xanh sáng rực. Nét mặt ông có vẻ căng thẳng, như nét mặt của một người đang tự kiểm chế một cách khó khăn – và ông luôn luôn bứt chòm râu bằng một vẻ bực dọc lắm. Steavens ngồi cạnh cửa sổ, chăm chú nhìn ông vặn nhỏ cây đèn sáng chói lợi, và bằng một cử chỉ giận dữ, giữ cho những hột chai của cây đèn đang kêu leng keng khỏi lắc lư, rồi ông đứng yên để hai bàn tay nắm chặt vào nhau ở sau lưng và nhìn thẳng vào mặt nhà điêu khắc. Gã không thể không tự hỏi có mối liên lạc gì giữa thầy gã mà gã coi như chiếc bình sứ quý giá và con người này mà gã coi như là cục đất sét xấu xí của người thợ làm đồ gốm.

Từ trong bếp có tiếng ồn ào nổi lên; khi cửa phòng ăn mở ra mới biết rõ là chuyện gì. Người mẹ đang mắng chị giúp việc vì chị quên không làm xốt để ăn với món xà lách gà là món ăn làm sẵn cho những người thức đêm canh quan tài. Steavens chưa hề bao giờ được nghe những lời như vậy, thật là những

lời mắng chửi lâm ly, bi thiết, độc ác thậm tệ có một không hai, cũng hung bạo và dữ dội như cơn sấm đầu của mụ trước đây 20 phút. Ông trạng sư nhún vai tỏ vẻ ghê tởm rồi đi vào trong phòng ăn và đóng cửa lối đi từ phòng ăn xuống bếp.

Khi ông quay trở lại, ông nói: "Bây giờ đến lượt Roxy chịu trận, thật tội nghiệp. Trước kia gia đình Merrick đem mụ ra khỏi nhà tế bần; và nếu không vì lòng dạ trung thành, thì tôi chắc mụ dám kể nhiều chuyện làm rụng tóc gáy được. Mụ là người đàn bà lai da đen đứng đây khi nãy và lấy vạt áo yếm đưa lên lau mắt đấy. Mụ già thật là lằng loàn; chưa có ai như mụ. Mụ làm cho Harvey thật khổ sở khi anh còn ở nhà; anh rất lấy làm hổ thẹn về chuyện đó. Tôi không hiểu sao anh vẫn giữ được tính tình hiền lành."

Steavens chậm rãi nói: "Ông thật đáng thán phục, rất đáng thán phục, nhưng mãi tới đêm nay, tôi mới thấy được ông đáng phục là nhường nào."

"Dù sao đó cũng là phép lạ muôn đời; ở một đồng phân như thế này mà lại có được một con người như thế." Ông trạng sư kêu lên, và khoa tay đưa một vòng như thể muốn ám chỉ một khoảng rộng lớn hơn là bốn bức tường trong đó họ đang đứng.

"Để tôi xem có chút gió nào không. Phòng này bí quá khiến tôi cảm thấy như muốn xỉu." Steavens vừa nói nhỏ nhỏ vừa cố sức mở một cái cửa sổ. Nhưng khuôn cửa bị kẹt không mở ra được, vì thế gã thất vọng ngồi xuống và lấy tay kéo cổ áo. Ông trạng sư đi tới, lấy nắm tay đỏ của ông đập vào khuôn cửa cho lỏng ra và đẩy cửa sổ cao lên vài phân. Steavens cảm ơn ông, nhưng cảm giác buồn nôn dần dần ứ lên tới cổ họng gã trong nửa giờ vừa qua khiến cho gã chỉ còn một điều ước mong – một cảm giác tuyệt vọng là gã phải rời khỏi ngay nơi này cùng với thi thể của Harvey Merrick. Chao ôi, bây giờ gã mới hiểu rõ nỗi niềm chua chát trầm lặng của nụ cười mà gã thường thấy trên đôi môi của thầy học gã!

Có một lần, khi Merrick đi thăm nhà về, ông có mang theo một tấm hình chạm nổi biểu lộ tình cảm đặc biệt và đầy ý nghĩa: đó là hình một bà già, gầy hốc hác ngồi khâu một cái gì gài trên đầu gối; trong khi đó một thằng nhỏ, môi dày, khỏe mạnh, mặc quần chỉ có một giải đeo, đứng cạnh và nóng nảy giật giật áo người đàn bà để bà để ý tới con bướm mà nó vừa bắt được. Steavens cảm phục vì thấy cách nặn khuôn mặt gầy và mệt mỏi này rất khéo léo và tinh tế và hỏi thầy gã xem đây có phải là mẹ ông không. Gã còn nhớ mặt nhà điêu khắc lúc đó bừng đỏ.

Ông trạng sư đang ngồi ở chiếc ghế đu đưa cạnh quan tài; đầu ngả ra đằng sau và mắt nhắm lại. Steavens chăm chú nhìn ông, lấy làm lạ về đường nét của cái cằm của ông và tự hỏi tại sao có người lại đem dấu vẻ cao quý của mình dưới chòm râu xấu xa như vậy. Bỗng nhiên Jim Laird mở mắt ra như thể là ông cảm thấy cái nhìn sâu sắc của nhà điêu khắc trẻ tuổi.

Ông đột ngột hỏi: "Harvey sống với bản thân mình nhiều và ít giao du lắm, phải không? Khi còn nhỏ anh nhút nhát lắm."

Steavens tiếp lời ông: "Vâng, ông sống với bản thân nhiều và ít giao du lắm. Tuy ông rất mến người khác, lúc nào ông cũng có vẻ như lãnh đạm. Ông không ưa tình cảm mãnh liệt; tính ông hay trầm tư và có vẻ không tự tin lắm – lẽ tất nhiên trừ khi nào ông làm việc. Về công việc, ông tự tin lắm. Ông rất ngờ vực đàn ông và lại càng ngờ vực đàn bà hơn nữa, tuy nhiên ông không tin rằng họ xấu. Thật ra, ông sẵn lòng tin những điều tốt đẹp, nhưng hình như ông sợ không dám tìm hiểu."

"Con chó đã bị bỏng tất nhiên sợ lửa," ông trạng sư buồn rầu nói rồi nhắm mắt lại.

Steavens lại luôn miệng nói tiếp, kể lại tất cả cuộc đời niên thiếu khốn khổ đó. Tất cả cái xấu xa phũ phàng và ác nghiệt đó thuộc về một người mà khối óc sẽ trở nên một kho tàng vô tận, chứa đựng những ấn tượng đẹp đẽ – một khối óc nhạy cảm đến độ chỉ một bóng lá cây bạch dương rung rinh trên

bức tường có ánh nắng cũng đủ sức in hình trong đó mãi mãi. Đúng vậy, nếu có ai có được chiếc đĩa thần trong tay, người đó phải là Harvey Merrick. Mỗi khi đụng tới vật gì là ông phơi bày được những bí ẩn linh thiêng nhất của vật đó, giải thoát vật đó khỏi sự mê hoặc và phục hồi được vẻ đẹp nguyên thủy của nó. Mỗi khi ông tiếp xúc với vật gì, ông để lại một dấu tích đẹp đẽ – một tính chất tinh thần cao quý, một hương vị, một âm thanh, một màu sắc của riêng ông.

Bây giờ Steavens đã hiểu thảm cảnh thực sự của cuộc đời của thầy mình; không phải vì tình yêu hay rượu chè, như nhiều người tưởng lầm; nhưng mà là một vết thương từ thuở nhỏ và sâu nhất từ xưa tới nay – một nỗi hổ thẹn không phải do ông, nhưng mà ông không tránh được, mà ông giữ kín trong lòng kể từ khi còn thơ ấu. Còn bên ngoài là một cuộc tranh đấu ngoại vi một đứa trẻ, trôi dạt vào một bãi sa mạc xa lạ đầy xấu xa và đê tiện, thêm khát tất cả những gì thanh khiết, cổ kính và có truyền thống cao quý.

Đến mười một giờ, người đàn bà cao lớn mảnh dẻ bận đồ đen loan báo rằng những người canh thi thể đã tới và mời họ vào phòng ăn. Steavens vừa đứng lên thì ông trạng sư nói bằng giọng chua chát: "Anh vào đi, đó là một kinh nghiệm hay cho anh. Đêm nay tôi không còn hơi sức đâu mà tiếp bọn người đó; tôi đã chịu đựng họ hơn hai mươi năm nay rồi."

Lúc Steavens ra và đóng cửa lại, gã ngoái nhìn lại ông trạng sư ngồi canh quan tài dưới ánh đèn le lói, tay đỡ lấy cằm. Cũng lại cái toán người ô hợp đứng trước cửa toa xe lửa tốc hành lúc này đang lê bước vào phòng ăn. Dưới ánh đèn dầu họ ngồi riêng ra và người ta mới nhận rõ từng người một. Ông mục sư xanh xao, yếu đuối, có mái tóc bạc và râu mép màu vàng, ngồi xuống cạnh một chiếc bàn nhỏ ở góc và để quyển kinh thánh lên bàn. Người bạn binh phục Đại Quân ngồi xuống sau lò sưởi và dựa ghế của hắn vào tường một cách thoải mái, rồi móc túi tìm chiếc tấm xĩa răng bằng lông vũ. Hai ông chủ ngân hàng, Phelps và Elder ngồi riêng ra ở một góc đằng sau bàn ăn để cùng nhau bàn cãi cho xong đạo

luật mới về cho vay lãi và ảnh hưởng của đạo luật đó đến việc vay tiền có thể động sản. Ông chủ địa ốc, lão già có bộ mặt tươi cười giả đạo đức, cũng đến nhập bọn. Người buôn bán than củi và người chuyên chở trâu bò ngồi đối nhau ở hai bên cái lò đốt than và đặt chân lên cái bệ bằng kền. Steavens móc túi lấy một quyển sách ra và bắt đầu đọc. Câu chuyện chung quanh gã xoay quanh những vấn đề địa phương trong khi trong nhà đã im lặng bết. Khi chắc chắn là tất cả mọi người trong gia đình đã đi ngủ rồi, lão mặc áo Đại Quân xốc vai lên và duỗi chân ra rồi móc gót giày vào ghế.

"Chắc phải có chúc thư chứ, ông Phelps?" Y hỏi bằng một giọng the thé yếu ớt.

Ông chủ ngân hàng cười một cách khó chịu, và bắt đầu gọt sửa móng tay bằng con dao nhíp cán hạt trai.

Đến lượt lão hỏi lại: "Khỏi cần chúc thư gì hết, phải không?"

Lão mặc áo Đại Quân táy máy không ngồi yên, lại đổi vị trí ngồi lần nữa, và đưa đầu gối lên gần cằm hơn nữa. Hắn léo xéo nói: "Tại sao lão già nói Harve gần đây làm ăn cũng khá."

Lão chủ ngân hàng kia xen vào: "Tôi cho lão có ý nói rằng Harve gần đây không xin lão cầm cố thêm trại nào khác nữa để cho nó theo học thêm."

Lão mặc áo Đại Quân cười khẩy: "Hình như tôi nhớ là không lúc nào Harve không đi học."

Thế là cả bọn lại khúc khích cười. Lão mục sư lấy mùi xoa ra hỉ mũi inh ỏi. Lão chủ ngân hàng Phelps gập dao nhíp lại nghe đánh cách một cái. Lão nói bằng giọng đạo mạo và suy tư: "Thật đáng buồn con trai lão già không khá hơn được. Bọn họ không bao giờ giúp đỡ nhau. Số tiền mà lão tiêu cho Harve đủ để tậu gia súc cho cả chục trại nuôi, mà chẳng khác gì đem tiền đổ xuống sông xuống biển. Nếu Harve chịu ở nhà và trông nom ít gia súc mà họ có và nuôi súc vật ở trại của lão

dưới đời thì chắc bây giờ họ cũng khá rồi. Nhưng lão già phải cho người nuôi rẽ nên bị họ ăn bớt cả đầu lẫn đuôi."

Lão buôn bò nói chen vào: "Harve chả bao giờ biết gì về gia súc đâu. Nó không tinh khôn chút nào hết. Còn nhớ khi nó mua mấy con la của Sander không? Nó tưởng mấy con la này mới 8 tuổi trong khi cả tỉnh không ai không rõ rằng bố vợ Sander cho vợ Sander làm của hồi môn trong dịp làm lễ cưới cách đây đã 18 năm, mà lúc đó mấy con la này đã lớn lắm rồi."

Cả bọn lại cười một cách kín đáo, và lão mặc áo Đại Quân lấy tay xoa đầu gối, khoái trá như một đứa trẻ con.

Lão bán than củi lên tiếng: "Harve chẳng bao giờ có óc thực tế, và có điều chắc là nó không ưa làm việc. Tôi còn nhớ lần cuối cùng nó về nhà, đêm hôm nó đi, lúc lão già xuống chuồng giúp người làm công buộc ngựa để đưa Harve ra tàu, và trong lúc Cal Moots đang sửa hàng rào, thì Harve bước ra ngoài thêm nhà và réo lên tiếng như tiếng đàn bà: - Anh Cal Moots ơi! làm ơn vào buộc hộ tôi rương quần áo đi!"

Lão mặc áo Đại Quân biểu đồng tình: "Anh thì anh biết chuyện Harve như thế, còn tôi thì tôi còn nhớ nghe nó gào lên khi nó đã lớn lắm rồi, đã mặc quần dài, và mẹ nó thường lấy roi da đánh nó trong chuồng bò vì nó để cho mấy con bò ăn đến bội thực khi nó chặn bò từ đồng cỏ về nhà. Một lần nó cũng làm chết một con bò của tôi như vậy - một con bò giống Jersey thuần túy, và là con bò sữa tốt nhất của tôi, và bố nó phải đền tôi. Thằng Harve để con bò chạy đi mất trong khi nó mải mê nhìn mặt trời lặn bên kia đồng lầy."

"Lão già thật nhầm lẫn khi gởi nó đi học ở miền Đông," lão Phelps nói bằng một giọng khôn ngoan như giọng quan tòa, vừa nói vừa lấy tay vuốt chòm râu dê.

"Vì thế mà đầu óc nó bị nhồi toàn những chuyện phi lý. Lẽ ra thằng Harve cần theo học một trường thương mại hạng khá nhất ở Kansas City."

Steavens hoa mắt lên không đọc được nữa. Phải chăng những người này không hiểu gì sao và cành lá kè trên quan tài không có nghĩa gì đối với họ sao? Ngay đến tên cái thành phố của họ có lẽ sẽ nằm yên mãi trong quyển chỉ dẫn của nhà bưu điện và không được ai nhớ tới nếu thỉnh thoảng không được thế giới nhắc nhở tới vì có liên quan đến tên của Harvey Merrick. Gã còn nhớ điều thầy gã căn dặn trong lúc lâm chung, sau khi hai lá phổi bị nghẹt làm tiêu tan mọi hy vọng bình phục, và nhà điều khắc đã yêu cầu môn đệ của mình mang thi thể mình về quê nhà. Ông thầy gã nói với nụ cười yếu ớt: "Nơi đó không phải là nơi để chịu để ta yên nghỉ trong khi thế giới đang biến chuyển, đang hoạt động và đang cải tiến nhưng có lẽ sau cùng chúng ta nên trở về nơi chôn nhau cắt rún của chúng ta. Dân trong tỉnh sẽ đến nhìn tôi một lần chót; và sau khi họ nói lên cảm nghĩ của họ thì tôi không còn thấy sợ gì lắm về lời phán quyết của Thượng Đế nữa!"

Lão buôn bò bình luận thêm: "Người trong họ nhà Merrick mới 40 tuổi mà đã chết thì là chết non đó; bọn họ thường sống lâu lắm. Có lẽ vì hấn uống nhiều rượu quá." Ông mục sư dụi dàng nói: "Họ bên mẹ hấn sống cũng không lâu lắm, và tặng người Harvey cũng không được khoẻ." Ông còn muốn nói thêm nữa. Trước kia ông dạy giáo lý cho Harvey và ông mến Harvey lắm; nhưng ông cảm thấy ở vào địa vị ông không thể nói nhiều được. Chính các con trai ông cũng không ra gì, và cách đây chưa đầy một năm, một đứa con ông đã được mang xác về nhà bằng chuyến xe lửa tốc hành, vì bị bắn chết trong một sông bạc ở Black Hills.

Lão buôn bò lên giọng đạo đức: "Tuy nhiên, không thể chối cãi được rằng Harvey thường thích rượu vang đỏ, hoặc nhiều màu, và rượu hấn đã làm cho nó thành khờ khạo ngu ngốc."

Ngay lúc đó, cửa vào phòng khách rung âm lên và mọi người giật mình sửng sốt, nhưng rồi yên tâm ngay vì chỉ thấy có Jim Laird bước ra. Lão mặc binh phục Đại Quân cúi đầu khi nhìn thấy ánh mắt xanh đầy tia máu của Jim Laird. Tất cả bọn đều sợ Jim; lão là một bợm rượu, nhưng lão biết cách bóp

méo luật pháp cho hợp với quyền lợi của thân chủ, mà ở cả miền Tây Kansas này không ai xoay xử luật pháp được như lão, dù đã có nhiều người thử làm như vậy. Lão trạng sư đóng cửa lại phía sau lão, dựa lưng vào cửa, và khoanh tay lại, đầu hơi ngoẹo về một bên. Mỗi khi lão có thái độ như vậy ở tòa án là mọi người đều vểnh tai lên vì thường đó là điềm báo hiệu những lời châm biếm thao thao bất tuyệt, chua chát và cay độc.

Lão bắt đầu bằng một giọng khô khan, bình thản: "Trước kia tôi cũng có mặt với các người khi các người ngồi cạnh quan tài của những chàng trai sinh trưởng ở tỉnh này; và nếu tôi không quên thì các người không bao giờ lấy làm vừa ý khi các người bới móc đời họ ra. Làm sao thế? Tại sao ở thành phố Sand City này, số thanh niên đứng đắn cũng hiếm như số những nhà triệu phú vậy? Người ngoài có thể nghĩ rằng có chuyện gì không tốt đẹp trong cái tỉnh tiến bộ của các người. Tại sao Ruben Sayer, luật sư trẻ tuổi xuất sắc nhất của tỉnh ta từ trước đến nay, khi ở trường Đại học về đây vẫn đang hoàng ngay thẳng, sau lại sinh ra rượu chè, làm ngân phiếu giả, rồi tự vẫn? Tại sao con trai lão Bill Merrick lại chết vì quá chén trong một quán rượu ở Omaha? Tại sao con trai ông Thomas đây lại bị bắn chết ở một sông bạc? Tại sao thằng thanh niên Adams lại đốt hết máy xay lúa để lường gạt hãng bảo hiểm, rồi đi ở tù?"

Ông trạng sư ngừng nói, duỗi tay ra và lẳng lẳng đặt một bàn tay nắm chặt trên bàn. "Tôi sẽ nói cho các người biết. Vì các người chỉ nói chuyện tiền nong và mách khéo lưu manh vào tai chúng ngay từ khi chúng hãy còn mặc quần con nít; và các người luôn luôn chỉ trích chúng như các người vừa chỉ trích đêm nay, đề cao hai ông bạn Phelps và Elder của chúng ta lên làm khuôn mẫu cho chúng, cũng như ông cha chúng ta đề cao George Washington và John Adams. Nhưng bọn thanh niên chúng hãy còn trẻ, còn non nớt trong những công việc mà các người bắt chúng làm, và làm sao chúng có thể sánh được về tiền bạc với những nghệ sỹ điêu luyện như Phelps và

Elder? Các người muốn chúng trở thành những tên lưu manh thành đạt; nhưng chúng chỉ là những tên lưu manh bị thất bại – khác nhau là ở chỗ đó. Chỉ có một thanh niên độc nhất sinh trưởng ở miền biên giới này giữa thế giới trộm cướp và thế giới văn minh mà không bị hư hỏng, và các người thù ghét Harvey Merrick vì Harvey được tiếng tăm, hơn là các người thù ghét tất cả những thanh niên khác vì chúng thất bại. Trời ơi, các người ghét Harvey biết bao! Bạn Phelps đây thường ưa tuyên bố rằng bạn có thể mua hoặc bán tất cả chúng ta hễ khi nào bạn muốn; nhưng bạn biết rằng Harve không coi cái nhà ngân hàng và luôn tất cả những trại chăn nuôi của hắn ra gì hết; và bạn Phelps không thể chịu được người ta coi thường bạn như vậy.

"Ông già Phelps cho rằng Harve uống rượu nhiều quá. Những người như tôi và ông già Phelps mà đi phê bình người khác uống rượu nhiều.

"Bạn Elder cho rằng Harve tiêu tiền của bố bừa bãi và có lẽ không được có hiếu lắm. Nhưng chúng ta còn nhớ rõ ràng giọng ông bạn Elder đây thề trước tòa án quận rằng bố ông nói dối; và chúng ta đều biết rằng ông già sau khi hợp tác với con đã mất hết cả tiền của và thanh danh – Nhưng có lẽ tôi nói chuyện đời tư nhiều quá, có lẽ tôi nên nói tiếp điều tôi muốn nói!"

Ông trạng sư nghỉ một lát, đứng thẳng người lên và kể tiếp: "Harvey Merrick và tôi cùng học một trường, tại miền Đông. Chúng tôi học hành rất đứng đắn, và đều mong muốn một ngày kia các người có thể hãnh diện vì chúng tôi – Chúng tôi muốn trở nên những danh nhân. Phải, thưa các ngài, cả đến tôi và tôi chưa mất hết óc hài hước đâu nhé, cả đến tôi cũng muốn là danh nhân.

"Tôi trở về đây để hành nghề, và tôi được biết rằng các người không hề có ý muốn tôi trở thành danh nhân. Các người muốn tôi trở thành một trạng sư đầy thủ đoạn – phải rồi, chính thế! Ông bạn cựu chiến sỹ đây muốn tôi xin cho ông

thêm tiền cấp dưỡng vì ông bị bệnh khó tiêu; bạn Phelps thì muốn đo đạc lại đất trong quận để chiếm lấy nông trại của mẹ góa Wilson, bạn Elder thì muốn cho vay lãi 5 phần trăm và thu cả vốn và lời cho đủ; và bạn Stark đây thì muốn gạ mấy mẹ trên Vermont bỏ tiền đầu tư vào mấy vụ cầm cố nhà đất không có giá trị hơn tờ giấy lộn. Ôi, các người quả thật rất cần tôi, và các người sẽ còn cần tôi nữa!

"Hừ, thế là tôi trở về đây để trở nên một tên trạng sư lưu manh theo ý muốn của các người. Các ngài làm bộ kính nể tôi; thế nhưng các ngài lại ném bùn dơ vào Harvey Merrick, vì các ngài không làm như được tâm hồn người quá cố và cũng không trói được tay người ấy. Ôi! các người quả là những tín đồ Thiên Chúa Giáo sáng suốt! Có nhiều lần khi nhìn thấy cái tên Harvey trên mặt một tờ báo miền Đông tôi cúi đầu hổ thẹn, nhưng cũng có nhiều khi tôi ưa nghĩ đến anh ở nơi xa xôi, xa cách cái chuồng heo này, và đang leo cao bậc thang danh vọng mà anh đã tự tạo cho mình.

"Còn chúng ta? Bây giờ, khi mà chúng ta đã vật lộn, lừa dối, đổ mồ hôi, trộm cắp, và thù ghét theo kiểu của những kẻ đã vật lộn mà chỉ chuốc lấy thất vọng ở một tỉnh nhỏ cay nghiệt không còn sinh lực ở miền Tây, thử hỏi chúng ta đã làm được những gì? Harvey Merrick tất không bao giờ muốn đánh đổi một cảnh mặt trời lặn trên đồng lầy để lấy tất cả những gì mà các người có, và các người biết rõ điều đó. Vì sự khôn ngoan không lường được của Thượng Đế, tôi không thể giải thích tại sao một nhân tài lại có thể phát sinh tại cái nơi đầy thù hận và ghen ghét này; nhưng tôi muốn ông bạn từ Boston tới đây biết rằng những câu chuyện quàng xiên ông đã được nghe trong đêm nay là những lời ca tụng độc nhất mà bất cứ danh nhân thực sự nào cũng có thể được nghe từ miệng một bọn người bệnh hoạn, lạc hướng, giàu có và tham lam như những tay tài phiệt của thành phố Sand City hiện có mặt ở đây – xin Thượng Đế sẵn lòng tha thứ cho thành phố này!"

Lão trạng sư chìa tay để bắt tay Steavens trong khi lão đi qua mặt gã, vớ lấy áo choàng của lão trong phòng đợi, và ra khỏi căn nhà trước khi người mặc áo Đại Quân có đủ thì giờ thò đầu ra và ngھnh cổ lên nhìn quanh đồng bọn.

Ngày hôm sau Jim Laird say mèm và không thể dự đám táng được. Steavens tới văn phòng tìm lão hai lần, nhưng rồi phải lên đường về miền Đông mà không được gặp lão. Linh tính cho gã biết rằng gã sẽ nhận được thư của lão, và gã để địa chỉ mình trên bàn luật sư; nhưng nếu Laird có thấy địa chỉ đó, lão cũng không bao giờ phúc đáp. Điều mà Harvey Merrick ưa chuộng ở con người Jim Laird chắc đã bị chôn vùi theo quan tài của Harvey Merrick vì nó không bao giờ lên tiếng nữa, và Jim bị cảm mà chết khi lão lái xe qua miền núi Colorado để đi biện hộ cho đứa con trai của lão Phelps gặp chuyện rắc rối vì đồn gổ của Chính phủ.

Những rặng núi lớn – John Steinbeck

Về mùa này những trái đồi đã khô cạn và cỏ dại đã vàng úa, nhưng tại chỗ mà ống dẫn nước suối chảy vào cái bể tròn làm đầy tràn bể, người ta thấy có một khoảng cỏ non tươi dày mượt và ẩm ướt. Jody lấy nước ở bể đầy rêu ra uống và nằm ngửa trên cỏ rồi nhìn lên những đám mây hè cuộn cuộn như bông. Nhắm một mắt lại để hết phân biệt được phối cảnh, nó kéo mây gần lại để có thể giơ ngón tay lên mà vuốt ve. Nó giúp cho gió đẩy mây đi về phía chân trời, nó thấy hình như nhờ nó giúp mà mây đi mau hơn. Nó đẩy một đám mây trắng dày cho tới mồm núi rồi đẩy hẳn sang bên kia để không nhìn thấy nữa. Jody tự hỏi lúc đó đám mây kia sẽ nhìn thấy gì. Nó ngồi dậy để nhìn cho rõ hơn những rặng núi lớn, nơi những ngọn núi chồng chất lên nhau, trở nên tối tăm và hoang dại hơn cho đến lúc cùng hết là một dãy núi nhọn như răng cưa nằm án ngữ về phía Tây. Thật là những rặng núi bí mật và kỳ lạ: nó nghĩ tới sự hiểu biết ít ỏi của nó về rặng núi đó.

"Ở bên kia núi có gì?" Có lần nó hỏi cha nó như thế.

- Ba nghĩ rằng còn nhiều núi khác nữa. Tại sao con lại hỏi thế?

- Thế đằng sau những núi khác đó còn có gì nữa?

- Lại còn nhiều núi khác nữa. Tại sao con lại hỏi như vậy?

- Cứ còn thêm núi mãi như thế ư?

- Không đâu. Sau cùng là đến biển.

- Nhưng ở trong núi có gì?

- Có vách đá bụi cây, tảng đá và cảnh khô cạn.

- Ba đã đến đó bao giờ chưa?

- Chưa.

- Đã có ai tới đó chưa?

- Chắc có vài người đã đến đó rồi. Nguy hiểm lắm vì có vách đá và nhiều thứ khác nữa. Ba đọc sách thấy nói rằng trong những ngọn núi miền Monterey này có nhiều đất hoang chưa ai thám hiểm hơn tất cả các miền khác tại Mỹ Quốc. - Cha nó có vẻ lấy làm hãnh diện về điều đó.

- Sau cùng đến biển hả ba?

- Phải rồi, sau cùng đến biển.

- Nhưng, - thằng bé lại hỏi thêm, - giữa đó và biển có gì? Không ai biết ư?

- Ô, ba chắc cũng có một vài người biết. Nhưng ở đó không kiếm được vật gì đâu. Có ít nước lắm. Chỉ có đá và vách đá với cây dại. Sao con hỏi vậy?

- Nếu đi xem được chắc là hay lắm.

- Đi làm gì? Ở đây chả có gì hết.

Jody biết chắc ở đó phải có một cái gì, một cái gì hay và lạ lắm vì chưa ai biết, một cái gì bí mật và đầy huyền bí. Tự nó cảm thấy như vậy. Nó hỏi mẹ nó: "Mẹ có biết có gì ở trong những rặng núi lớn không?"

Mẹ nó nhìn nó rồi lại nhìn rặng núi man rợ rồi nói: "Mẹ chắc ở đó chỉ có con gấu".

- Con gấu nào?

- Thì con gấu nó trèo núi để xem có gì không, chứ còn con gấu nào nữa!

Jody hỏi Billy Buck, một người tá điền trong trại, về việc có thể có những đô thị cổ xưa bị chôn vùi trong núi, nhưng Billy cũng nói như ba Jody.

Billy nói, "Không thể có được. Vì chẳng có gì để ăn, trừ phi có giống người ăn được đá sống ở đó."

Đó là tất cả những điều mà Jody biết và những điều ấy làm cho những núi đá có sức cám dỗ hơn đối với nó, nhưng cũng đáng sợ nữa. Nó hay tưởng tượng tới hàng bao nhiêu dặm hết

đỉnh núi nọ qua đỉnh núi kia cho tới khi đến tận biển. Khi những mỏm núi ửng hồng trong nắng sớm, thì chúng có vẻ như mời mọc nó tới, nhưng khi mặt trời đã lặn sau đỉnh núi về buổi chiều và núi trở thành một màu tím tuyệt vọng thì lúc ấy Jody lại sợ chúng; chúng trở nên vô nhân tình và xa cách khiến cho ngay cả cái vẻ trơ trơ thản nhiên của chúng cũng đầy đe dọa.

Bây giờ nó quay đầu về những dãy núi ở phía đông là dãy Gabilans. Những ngọn núi ấy thật vui tươi, có những nông trại ở trong thung lũng và những cây thông mọc trên đỉnh núi. Có người sống ở đó và trên sườn núi đã từng có những trận đánh nhau với người Mễ-tây-cơ. Nó quay nhìn lại những ngọn núi lớn một lát và hơi rùng mình vì thấy một sự tương phản rõ rệt. Chân núi như lòng chén ở nơi nông trại phía dưới nó, đầy ánh sáng và thanh bình. Ngôi nhà đó sáng lên trong ánh nắng màu trắng và chuồng bò thì màu nâu và ấm áp. Những con bò màu đỏ trên đồi xa đang vừa gặm cỏ vừa tiến dần về hướng bắc. Ngay đến cây trúc bá thẫm màu bên cạnh gian nhà ngủ trông cũng có vẻ quen mắt và thanh bình. Những con gà nhỏ đang bới đất tung lên trong sân bước những bước mau như bước theo điệu nhảy luân vũ.

Lúc đó, một bóng người đang chuyển động làm Jody chú ý. Một người đàn ông đang bước chậm rãi trên đỉnh đồi, trên đường từ Salinas tới, và đang tiến về phía nhà ở. Jody đứng dậy và cũng chạy về nhà vì nó muốn về để coi xem ai tới. Khi thằng bé đã về tới nhà, người đàn ông mới đi được nửa đường, người này chống gậy nhưng vai rất thẳng. Jody đoán được người đó già vì gót giày người ấy nện xuống đất nghe thành thịch. Khi người lạ tới gần hơn, Jody nhận thấy người ấy mặc quần ống bó bằng vải màu xanh và áo cũng bằng vải đó. Người ấy đi giày cục mịch và một đội một cái mũ đã cũ kiểu Stetson vành dẹt. Trên vai người ấy vác một cái túi bằng vải gai, đầy chặt và không ra hình thù gì. Một lúc sau người ấy đã lê tới gần để người ta có thể nhìn rõ mặt. Mặt người ấy đen như miếng thịt bò khô. Một bộ ria có màu trắng xanh nổi bật

trên nước da đen sậm và nằm lơ lửng trên miệng và mớ tóc lộ ra ở người ấy cũng màu trắng. Da mặt người ấy nhăn nheo lại sát vào xương sọ làm cho xương lồi ra và khiến cho mũi và cằm chìa ra và có vẻ mảnh dẻ. Đôi mắt rất lớn, sâu và thẫm màu và bị mí mắt trùm lên trên. Lòng đen và con ngươi cũng màu đen sậm nhưng lòng trắng thì lại màu nâu. Trên mặt không hề có vết nhăn. Ông lão mặc áo ngoài bằng vải xanh rất thô và cài kín ở cổ bằng khuy đồng, theo kiểu của những người không mặc áo lót bên trong. Hai cánh tay áo để lộ ra hai cổ tay mạnh mẽ và xương xẩu và hai bàn tay xương xẩu, sù sì và rắn như cành đào. Các móng tay đều dẹt cùn và bóng.

Ông lão tiến tới gần cửa rồi bỏ chiếc túi xuống khi ông tới trước mặt Jody. Mũi ông nhấp nháy một chút rồi phát ra một giọng nói nhỏ nhẹ và không có hồn:

- Em ở đây hả?

Jody cảm thấy bỡ ngỡ. Nó quay nhìn về phía căn nhà rồi lại quay nhìn về phía chuồng bò, là chỗ ba nó và Billy đứng, và sau khi không thấy ai giúp gì nó cả, nó liền trả lời "Vâng".

Ông lão nói: "Ta đã trở về đây. Ta là Gitano và ta đã trở về đây."

Jody tự thấy không thể nhận lấy trách nhiệm này được. Nó quay ngoắt lại và chạy vào nhà để tìm người giúp nó và đóng sập cửa lại. Mẹ nó ở trong bếp, đang lấy kim cài tóc chọc cho thông cái rá lọc đồ ăn, và mím môi có vẻ căm chú lắm.

"Có một ông lão tới," Jody kêu lên bằng một giọng đầy xúc động. "Có một lão tá điên già và ông ta bảo ông ta đã trở về".

Mẹ nó đặt cái rá lọc xuống và gài kim vào sau cái bàn rửa bát đĩa. Bà hỏi bằng một giọng đầy kiên nhẫn:

- Gì thế con?

- Có một ông lão ở ngoài kia. Mẹ ra mà coi.

- "Hừm, thế ông ta cần gì?" Mẹ nó cời dây buộc yếm ra và lấy ngón tay vuốt tóc cho mượt.

- Con không biết. Ông ta đi bộ tới.

Mẹ nó vượt lại áo rồi bước ra và Jody đi theo. Gitano vẫn còn đứng đó.

- Ông cần gì? Bà Tiflin hỏi.

Lão già Gitano cất chiếc mũ cũ đen ra và cầm nó trước ngực bằng cả hai tay. Lão nhắc lại. "Tôi là Gitano, nay tôi đã trở về."

- Trở về? Trở về đâu?

Cả tấm thân cứng nhắc của Gitano ngã về phía trước một chút. Ông lão lấy tay phải chỉ vòng quanh những đồi, núi, những thửa ruộng trên sườn dốc thoai thoải rồi lại đưa tay trở về cầm lấy chiếc mũ. "Trở về trại này. Tôi sinh trưởng ở nơi này, cả cha tôi cũng vậy."

Nhưng rồi ông chỉ về ngọn núi phía tây và nói:

- Không phải, ở đằng kia cơ. Ở về phía bên kia, ở một ngôi nhà hiện nay không còn nữa.

Sau cùng, bà hiểu ý ông lão. - "Có phải ở trong căn nhà cũ bằng đất đã bị trôi đi gần hết không?"

- Phải rồi thưa bà, sau khi trại bị phân tán không ai quét vôi nhà đó nữa, và mưa làm cho căn nhà bị trôi đi hết.

Mẹ thẳng Jody yên lặng một lát và những tư tưởng nhớ nhà kỳ lạ vụt qua óc bà ta, nhưng rồi bà trấn tĩnh lại.

- Bây giờ ông muốn gì ở đây, hả ông Gitano?

Ông lão bình tĩnh nói:

- Tôi sẽ ở lại đây cho tới khi tôi chết.

- Nhưng ở đây chúng tôi không cần thêm người giúp việc đâu.

- Thưa bà, tôi cũng chẳng còn làm được việc gì nặng nhọc nữa. Tôi có thể vắt sữa bò, cho gà ăn, bổ một ít củi, thế thôi. Tôi sẽ ở lại đây. Đây là đồ của tôi. Ông lão vừa nói vừa chỉ vào cái túi ở dưới đất bên chân ông.

Bà ta quay lại bảo Jody: "Con chạy xuống chuồng bò gọi ba lên đi."

Jody vọt chạy đi, và lúc trở lại có ông Carl Tiflin và Billy Buck theo sau. Lão già hãy còn đứng như trước nhưng bây giờ ông có điệu bộ nghỉ ngơi. Tất cả thân hình ông ta đã sụm xuống thành một thế nghỉ ngơi lâu dài.

"Gì đó?". Ông Carl Tiflin hỏi. "Có việc gì làm thằng Jody xúc động đến thế?"

Bà Tiflin chỉ vào ông lão:

- Ông ấy muốn ở lại đây. Ông ấy muốn xin làm ít việc để được ở lại đây.

- "Nhưng chúng ta không thể mượn ông ấy được. Chúng ta không cần thêm người nữa. Ông ấy già quá rồi. Cần gì đã có Billy làm". Hai vợ chồng nói chuyện về lão già như thế không có mặt ông ta ở đó, rồi bỗng nhiên, cả hai đều ngật ngừng rồi nhìn Gitano và đều có vẻ ngượng ngượng.

Lão già đặng hắng rồi nói: "Tôi già quá nên không làm được việc gì. Nay tôi trở lại nơi chôn nhau cắt rốn của tôi."

Carl nói bằng giọng gay gắt:

- Ông có sinh trưởng ở đây đâu?

- Không phải ở đây. Ở cái nhà bằng đất bên kia đồi ấy. Trước đây tất cả đều thuộc chung về một trại, trước khi ông tới đây.

- Ở căn nhà bằng đất bị nước làm rửa hết đó ư?

- Đúng vậy. Tôi và cả cha tôi nữa. Bây giờ tôi muốn ở lại trại này.

"Tôi nói cho ông biết, ông không ở lại được đâu." Carl nói một cách giận dữ: "Tôi không cần tới một ông già. Trại này không lớn lao gì. Tôi không đủ tiền nuôi và trả tiền thầy thuốc cho một ông già. Chắc ông còn có thân nhân và bạn hữu. Ông

đi tìm họ đi. Đến cầu khẩn người lạ chẳng khác nào đi ăn xin vậy."

"Tôi sinh trưởng ở đây" Gintano nói với giọng kiên nhẫn, nhưng cương quyết.

Carl Tiflin không muốn tỏ ra tàn nhẫn nhưng ông cảm thấy bắt buộc phải như vậy. Ông nói; "Ông có thể ăn tại đây tối nay. Rồi ông có thể ngủ ở căn trong buồng nhỏ ở gian nhà ngủ được. Sáng mai chúng tôi lại cho ông ăn bữa sáng nữa, rồi ông phải đi. Ông đi kiếm bạn bè đi. Đừng tới nhà người lạ mà chết ở nhà người ta."

Gintano đội chiếc mũ đen lên đầu và cúi xuống nhặt cái túi. Ông nói: "Đây là đồ lễ của tôi."

Carl quay bước đi. "Đi đi, Billy, chúng ta đi làm xong việc ở chuồng bò đi. Jody, con chỉ cho ông lão cái phòng nhỏ ở căn nhà ngủ đi." Carl Tiflin và Billy quay trở lại chuồng bò. Bà Tiflin đi vào nhà rồi nói trở lại, "Tôi sẽ đưa vài cái mền xuống đó cho."

Gintano nhìn Jody như muốn hỏi, Jody nói: "Tôi sẽ chỉ cho ông phòng đó."

Trong phòng nhỏ của nhà ngủ có một cái giường nhỏ có đệm nhồi vỏ đậu, một cái thùng đựng táo cũ trên có một cái đèn bằng kẽm và một cái ghế đu đưa không có lưng dựa. Gintano cẩn thận đặt cái túi xuống sàn và ngồi xuống giường. Jody còn bẽn lẽn đứng trong buồng ngần ngại chưa muốn đi. Sau cùng nó nói:

- Có phải ông từ rặng núi lớn tới đây không?

Gintano lắc đầu chậm chạp: "Không, lão làm việc ở dưới thung lũng Salinas."

Jody vẫn chưa quên ý nghĩ lúc ban chiều nên nó không dứt mà ra đi được. "Ông đã tới những ngọn núi lớn đằng sau kia chưa?"

Đôi mắt già thẫm màu trở nên chăm chú và tia sáng của đôi mắt như chiếu vào bên trong, vào những năm tháng vẫn còn lại trong đầu óc Gitano. – "Có một lần- khi lão còn nhỏ. Lão có đi với cha lão."

– Đi mãi vào sau kia, vào hẻm trong miền núi à?

– Đúng rồi.

Jody kêu lên:

– Có gì ở đó? Ông có nhìn thấy ai không? Có nhà cửa gì không?

– Không.

– Vậy thì có gì?

Đôi mắt của Gitano vẫn còn đăm chiêu. Một vết nhăn xuất hiện trên trán ông lão.

Jody nhắc lại:

– Ông thấy gì ở đó?

– Lão không biết. Lão không còn nhớ gì cả.

– Quang cảnh rất đáng sợ và khó khăn lắm phải không?

– Lão không nhớ nữa.

Vì quá xúc động, Jody quên cả bẽn lẽn. "Ông không còn nhớ gì sao?"

Gitano mở miệng muốn nói, và cứ há miệng như vậy trong khi óc ông ta tìm câu nói. "Lão nghĩ rằng ở đó yên lặng lắm – ở đó đẹp lắm."

Đôi mắt Gitano hình như đã tìm ra được một cái gì trong dĩ vãng, vì thấy đôi mắt đó dịu lại và có ánh vui tươi.

Jody gặng hỏi:

– Sau đó không bao giờ ông trở lại núi nữa sao?

– Không.

– Không bao giờ ông muốn trở lại sao?

Nhưng bấy giờ nét mặt Gitano đã tỏ vẻ bực bội, "Không" Ông lão nói bằng một giọng khiến cho Jody biết rằng ông không muốn nói tới chuyện đó nữa. Thằng bé bị mê hoặc một cách kỳ lạ. Nó không muốn rời lão Gitano. Nó lại cảm thấy bẽn lễn.

Nó hỏi: "Ông có muốn xuống chuồng bò coi súc vật không?"

Gitano đứng dậy, đội mũ và sắp sửa đi theo.

Lúc đó trời đã gần tối. Họ đứng gần chỗ máng uống nước trong khi những con ngựa từ trên đồi thủng thẳng đi về uống nước. Gitano để đôi bàn tay sù sì của ông lên đà ngang trên chốc hàng rào. Năm con ngựa chạy tới uống nước, rồi đứng quanh đó, lấy mõm gặm mặt đất hay cọ mình vào gỗ nhẵn trên hàng rào. Sau khi những con này uống xong đã lâu, thì một con ngựa già xuất hiện trên đỉnh đồi và nặng nhọc bước xuống. Răng nó dài và vàng, móng nó dẹt và và sắc như cái xẻng và xương sườn xương hông của nó lồi ra ở dưới làn da. Nó khập khểnh bước tới máng nước và uống nước sùm sụp.

Jody giải thích: "Đó là con Easter già. Đó là con ngựa đầu tiên của ba tôi. Nó được 30 tuổi rồi."

Jody ngừng lên nhìn vào đôi mắt già của Gitano xem có phản ứng gì không.

"Không còn được việc gì nữa." Gitano nói. Ba thằng Jody và Billy ở chuồng bò ra và bước lại gần. Gitano nhắc lại: "Già quá không làm được việc gì nữa. Chỉ ăn thôi, rồi chả bao lâu nữa sẽ chết."

Carl Tiflin nghe lọt mấy tiếng sau cùng. Ông thù ghét sự tàn nhẫn của chính mình đối với ông lão Gitano, và vì thế ông lại tỏ ra tàn nhẫn thêm nữa.

Ông nói: "Đáng lẽ phải đem con Easter ra mà bắn chết đi. Để cho nó hết đau và hết bệnh tê thấp". Ông lén nhìn Gitano để xem lão có để ý gì tới lời nói bóng gió đó không, nhưng những bàn tay xương xẩu của lão vẫn không cử động, và mắt

lão vẫn chăm chú nhìn con ngựa. Ba của Jody lại nói tiếp: "Nên làm cho những con vật già hết đau khổ đi. Một phát súng, một tiếng nổ vang, có lẽ đau nhói ở trong đầu rồi, thế là hết. Như vậy còn hơn là bị khổ sở vì mình mẩy đau cứng và đau răng."

Billy Buck nói chen vào: "Chúng nó có quyền nghỉ ngơi sau khi đã làm việc suốt đời. Có lẽ chúng chỉ thích đi quanh quần đây thôi."

Carl vẫn đang chăm chú nhìn con ngựa gầy. Ông nhẹ nhàng: "Anh không thể tưởng tượng được ngày trước con Easter như thế nào. Cổ cao, ngực nở, mình thon. Nó có thể nhảy vọt qua một cổng có 5 đà ngang dễ như chơi. Nhờ nó tôi được giải nhất trong một cuộc đua ngựa hồi tôi mới 15 tuổi. Hồi đó có thể bán nó với giá 200 đô-la bất cứ lúc nào. Anh không thể tưởng tượng được ngày trước nó đẹp nhường nào." Ông ta lại tự kiểm chế, vì ông không thích tỏ ra mềm yếu. "Nhưng bây giờ nên bắn cho nó chết đi là phải."

"Nó có quyền được nghỉ ngơi." Billy Buck nhấn mạnh thêm.

Ba thằng Jody có một ý nghĩ khôi hài. Ông quay lại lão Gitano và nói: "Nếu trứng và thịt heo muối mọc ở bên sườn đồi thì tôi sẽ cho ông ra đấy mà gặm ăn như ngựa. Nhưng tôi không thể thả cho ông ăn ở trong bếp nhà tôi được."

Ông ta cười nói với Billy Buck về câu pha trò đó trong khi hai người đi về phía ngôi nhà. "Thật là một điều hay cho tất cả chúng ta nếu trứng và thịt heo muối được mọc ở đồi bên."

Jody biết ba nó đang tìm cách chọc tức Gitano. Nó cũng đã từng bị như vậy. Ba nó biết cách chọc tức nó lắm.

"Ba tôi chỉ nói vậy thôi." Jody nói. "Ông không có ý định bắn Easter đâu. Ông mến con Easter lắm. Nó là con ngựa đầu tiên của ông."

Trong khi hai người còn đứng đó, mặt trời lặn sau những ngọn núi cao và trại trở lại yên lặng. Gitano cảm thấy tự nhiên hơn khi chiều xuống. Lão chép miệng và môi lão phát ra một âm thanh kỳ lạ và lão đưa bàn tay lên trên hàng rào. Con

Easter già lập cập tiến lại gần lão, và Gitano xoa vào cái cổ gầy chỗ dưới bờm của con ngựa.

Jody dụi dàng hỏi:

- Ông thích nó à?
- Ừ, nhưng nó chẳng còn tốt gì nữa.

Có tiếng keng vang lên trong nhà, Jody kêu lên: "Đến giờ ăn rồi. Đi lên ăn cơm đi."

Trong khi hai người đi lên nhà, Jody lại nhận thấy rằng thân hình Gitano thẳng như thân hình trai trẻ. Chỉ có điệu bộ lập cập và cặp gót giầy lết cho biết là lão đã già thôi.

Mấy con gà tây nặng nề bay vào những cành thấp của cây trúc-bá cạnh gian nhà ngủ. Một con mèo béo lông mượt bước qua đường, miệng tha một con chuột lớn đến nỗi đuôi quét lê trên mặt đất. Một con chim cú ở đồi bên vẫn còn đang gọi nhau đi uống nước.

Jody và Gitano bước tới bực thềm sau và bà Tiflin đứng trong nhà nhìn ra phía hai người qua cửa lưới.

"Mau lên Jody. Ông Gitano, vào ăn cơm đi." Carl và Billy Buck đã bắt đầu ăn tại chiếc bàn dài trên có trải khăn vải dầu. Jody ngồi lọt vào ghế của nó mà không cần phải kéo ghế, nhưng Gitano vẫn đứng tay cầm mũ cho tới khi Carl ngừng lên và nói: "Ngồi xuống đi. Ngồi xuống đi. Ông nên ăn cho no bụng trước khi đi." Carl sợ rằng mình sẽ xiêu lòng mà cho phép lão già ở lại, và vì vậy ông cứ phải tự nhắc luôn luôn là không thể như thế được.

Gitano đặt mũ trên sàn và ngượng nghịu ngồi xuống. Lão không muốn thò tay lấy thức ăn, Carl phải đưa đồ ăn cho lão. "Đồ ăn đây, ăn cho no đi." Gitano ăn rất chậm, cắt những miếng thịt rất nhỏ và đắp nhiều tảng khoai nghiền nhỏ trên đĩa.

Tình trạng này vẫn làm cho Carl Tiflin băn khoăn. Ông hỏi: "Ông không có họ hàng thân thích gì ở đây sao?"

Gitano trả lời vẻ hơi tự hào: "Anh rể tôi ở Monterey. Tôi cũng có anh em họ ở đó nữa."

- Vậy thì ông có thể đến đó ở được.

- "Nhưng mà tôi sinh trưởng ở đây". Gitano nhẹ nhàng phản đối như vậy. Mẹ thằng Jody ở bếp ra, bưng một tô lớn bánh bu-đinh nấu bằng bột sắn.

Carl cười hỏi vợ: "Tôi đã nói cho bà biết điều mà tôi nói với lão chưa nhỉ? Tôi bảo rằng nếu trứng và thịt heo muối mọc ở đồi bên, thì tôi sẽ thả lão ra cho lão gặm ăn, hết như con Easter già vậy."

Gitano nhìn trừng trừng vào đĩa đồ ăn của lão và không tỏ vẻ gì xúc động.

Bà Tiflin nói:

- Thật đáng tiếc là lão không ở đây được.

Carl Tiflin giận dữ nói:

- Bà lại muốn sinh sự hử?

Khi ăn xong, Carl và Billy Buck cùng Jody vào phòng khách ngồi một lát, còn Gitano đi thẳng qua bếp ra cửa sau, không nói lấy một lời cảm ơn hay từ biệt. Jody ngồi và quan sát ba nó. Nó biết ba nó tự cảm thấy mình bần tiện biết bao.

Carl nói với Billy Buck: "Vùng này đầy rẫy những bọn tá điền như vậy."

Billy bênh vực họ: "Họ là những người rất đặc lực. Họ có thể làm việc được tới tuổi già hơn người da trắng. Tôi đã thấy một người già tới 105 tuổi mà còn đi ngựa được. Ông không kiếm được một người da trắng nào già như Gitano mà đi bộ được hàng hai ba chục dặm."

Carl biểu đồng tình: "Ồ, họ khỏe thật, tôi đồng ý. Nhưng này, anh cũng bênh lão ư?" Và ông giải thích: "Billy, anh hãy nghe tôi nói đây. Tôi giữ được trang trại này khỏi mất về tay bọn Ngân-hàng Ý-đại-Lợi cũng nhọc lắm rồi, chưa kể phải nuôi báo cô ai. Điều đó anh biết lắm chứ, Billy."

– Phải, tôi biết lắm. Nếu ông giàu, lẽ tất nhiên lại khác.

– Phải rồi, mà hình như không phải lão không có có bà con họ hàng gì để nhờ vả. Anh rể và anh em họ lão ở ngay tại Monterey. Việc gì phải bận tâm lo cho lão nữa?

Jody ngồi yên nghe, và hình như nó vẫn nghe thấy tiếng nói nhẹ nhàng của Gitano và câu nói của lão. "Nhưng tôi sinh trưởng ở đây mà không ai biết trả lời ra sao. Gitano cũng bí mật như những rặng núi kia. Có những rặng ở tận chân trời xa tít, nhưng đằng sau rặng cuối cùng ở tận chân trời vẫn còn có một miền xa lạ. Gitano chỉ là một ông lão già thôi, và chỉ khi người ta nhìn thấy đôi mắt đen và lờ mờ của lão. Đằng sau đôi mắt này có một điều gì bí ẩn. Không bao giờ lão nói gì nhiều để cho người ta đoán biết có gì ở bên trong, ở đằng sau đôi mắt đó. Jody tự cảm thấy không cưỡng lại được tính tò mò muốn đến thăm gian nhà ngủ. Nó tụt xuống ghế trong khi ba nó đang nói chuyện rồi nó lén ra cửa không một tiếng động.

Trời tối lắm và những tiếng động từ xa vang lại nghe rõ mồn một. Tiếng nhạc ngựa của một bọn thợ làm rừng vang lại từ con đường làng phía xa xa sau đồi. Jody lén mò đi qua sân tối. Nó trông thấy ánh đèn qua cửa sổ của phòng nhỏ trong nhà ngủ. Vì không sợ lộ trong đêm tối, nó lảng lảng đi tới cửa sổ và nhòm vào. Gitano đang ngồi trên cái ghế đu đưa và quay lưng ra cửa sổ. Cánh tay phải của lão đưa qua đưa lại chậm chậm trước mặt lão. Jody đẩy cửa bước vào. Gitano phát nhòm dậy và vớ một tấm da hươu định che vật để trong lòng lão, nhưng tấm da tuột đi mất. Jody đứng ngẩn mặt nhìn vật đang nằm trong tay Gitano, đó là một thanh kiếm nhọn, thon, rất đẹp, có một cái cán vàng có bao tay.

Lưỡi kiếm giống như một vệt ánh sáng mỏng. Cán kiếm có chạm trổ thật tinh vi.

Jody hỏi: "Cái gì đó?"

Gitano chỉ nhìn nó bằng đôi mắt oán hận, và lão nhặt tấm da hươu lên rồi quấn chặt lưỡi kiếm đẹp vào trong.

Jody giơ tay ra. "Cho tôi xem được không?" Đôi mắt Gitano bưng bưng giận dữ và lão lắc đầu.

"Ông lấy kiếm đó ở đâu vậy? Kiếm đó ở đâu ra?" Bây giờ Gitano lại nhìn nó một cách thâm trầm, như thể đang suy nghĩ.

- Tôi lấy của cha tôi đó.
- Vậy cha ông lấy ở đâu ra?

Gitano cúi nhìn gói da hươu dài trong tay lão và nói:

- Lão không biết.
- Cha ông không bao giờ nói cho ông biết sao?
- Không.
- Ông dùng dao đó để làm gì?

Gitano có vẻ như hơi ngạc nhiên.

- Chẳng làm gì cả. Lão giữ chơi vậy thôi.
- Cho tôi xem nữa được không?

Lão già chậm chạp mở gói lấy lưỡi kiếm bóng loáng ra và để cho ánh đèn chiếu lên trong chốc lát. Rồi lão gói lại. "Bây giờ em đi đi. Lão muốn đi ngủ bây giờ đây." Lão thối thắt đèn gần như ngay trước khi Jody kịp đóng cửa lại.

Trong khi trở về nhà, Jody biết rõ một điều, hơn hết tất cả những gì mà nó đã biết từ trước tới nay. Nó không bao giờ được nói cho ai hay biết gì về lưỡi kiếm. Thật là một điều đáng sợ nếu đem nói cho ai hay biết chuyện đó, vì làm như vậy là làm tiêu tan mất một sự thật mong manh. Đó là một sự thật có thể bị tan vỡ nếu đem nói cho một người khác biết.

Trên đường qua sân tối, Jody gặp Billy Buck.

Billy nói: " ba má đang hỏi chú đi đâu đó. Jody lén trở về phòng khách và ba nó quay lại hỏi:

- Con đi đâu về đó?

- Con đi coi cái bẫy mới của con có bắt được con chuột nào không.

- Con đi ngủ đi là vừa rồi.

Sáng hôm sau, Jody ra ngồi bàn ăn sáng trước tiên, rồi ba nó vào, sau cùng đến Billy Buck. Bà Tiflin ở trong bếp ngó ra hỏi:

- Lão già đâu hả, Billy?

- Chắc lão đi ra ngoài rồi. Tôi nhìn vào buồng và không thấy lão ở đó.

Carl Tiflin nói: "Có lẽ lão đi Monterey từ sớm rồi. Đi bộ từ đây đến đó xa lắm."

"Không đâu" Billy giải thích. "Túi của lão hãy còn ở trong phòng mà."

Ăn sáng xong, Jody đi xuống nhà ngủ. Mấy con ruồi đang bay loang loáng trong ánh nắng. Sáng nay, trại có vẻ yên lặng đặc biệt. Khi nó chắc không có ai nhìn nó, Jody lén vào phòng nhỏ và nhòm vào trong cái túi của Gitano. Nó thấy có dư một bộ quần áo lót bằng vải bông, một cái quần bó thừa và ba đôi tất đã cũ. Ngoài ta chẳng có gì nữa. Jody đột nhiên cảm thấy quá bơ vơ. Nó chậm chạp quay bước lên nhà trên. Ba nó đang đứng nói chuyện với mẹ nó ở bậc cửa.

Ba nó nói: " Chắc con Easter già lần này chết thật rồi. Tôi không thấy nó xuống uống nước với mấy con ngựa kia."

Vào giữa buổi sáng Jess Taylor ở trại trên đỉnh núi đi ngựa xuống. Jess hỏi:

- Có phải anh đã bán con ngựa xám già đáng làm mồi cho quạ ăn đó không, anh Carl?

- Không, đời nào. Tại sao anh hỏi vậy?

- À, sáng nay tôi ra khỏi nhà rất sớm và tôi thấy một cảnh tức cười. Tôi thấy một ông lão cưỡi một con ngựa già, không yên, chỉ có một đoạn dây thừng làm cương. Lão không đi trên đường cái đâu. Lão đi ngược thẳng lên núi xuyên qua những

bụi cây. Tôi tưởng lão có súng. Tôi có trông thấy một vật gì sáng loáng trong tay lão.

Carl Tiflin nói:

- "Lão già Gitano đó. Tôi đi xem tôi có bị mất khẩu súng nào không." Ông bước vào trong nhà một lát rồi trở ra nói: "Không sao, đủ cả. Lão đi lối nào đó, anh Jess?"

- Hừ, thực tức cười. Lão đi thẳng vào núi.

Carl cười và nói: "Bọn chúng già tới đâu cũng vẫn còn ăn cắp, chắc lão ăn trộm con ngựa già Easter rồi."

- Muốn đuổi theo lão không, anh Carl?

- Thôi thôi, như vậy là tôi khỏi phải chôn con ngựa đó. Không hiểu lão lấy súng ở đâu. Không biết lão muốn tới đó làm gì?

Jody đi ngược lên qua các luống rau tới hàng bụi cây. Nó chăm chú nhìn những dãy núi cao ngất, dãy nọ nối tiếp dãy kia, trùng trùng điệp điệp cho mãi tới đại dương. Trong chốc lát, nó tưởng như nó nhìn thấy được một chấm đen đang bò lên đỉnh núi xa nhất. Jody nghĩ tới lưỡi kiếm và Gitano. Rồi nó nghĩ tới những ngọn núi lớn. Một niềm khao khát như cơn trớn nó rồi trở nên mãnh liệt đến nỗi, nó muốn khóc oà lên để được thoải mái hơn. Nó nằm xuống cỏ xanh cạnh bể nước tròn ở chỗ hàng bụi cây: Nó khoanh tay che mắt và nằm đó rất lâu, lòng tràn đầy một nỗi buồn man mác.

Một nơi sạch sẽ sáng sủa - Ernest Hemingway

Đã khuya, và mọi người đã rời khỏi tiệm cà phê, trừ một ông lão ngồi dưới bóng những lá cây dưới ánh sáng đèn điện. Ban ngày đường này bụi bặm, nhưng về ban đêm sương đêm làm cho bụi không bốc lên được và ông lão ưa ngồi khuya vì ông điếc và bây giờ về đêm, cảnh vật yên lặng, ông cảm thấy sự khác biệt. Hai anh bồi trong tiệm cà phê biết rằng ông hơi say, và mặc dầu ông là một khách hàng đáng hoàng, họ biết rằng nếu ông say quá, ông sẽ ra về mà không trả tiền; bởi vậy mà họ vẫn canh chừng ông.

Một người nói: "Tuần trước ông đã định tự tử đấy."

"Sao vậy?"

"Ông thất vọng."

"Vì cái gì?"

"Chả có gì cả."

"Tại sao mà biết chả có gì?"

"Ông nhiều tiền lắm."

Họ cùng ngồi ở một chiếc bàn kê sát tường, cạnh cửa ra vào, và nhìn hàng hiên, nơi mà tất cả các bàn đều trống trơn trừ chỗ ông già ngồi dưới bóng lá cây nhẹ nhàng rung rinh trong gió. Một cô gái và một quân nhân đi qua ngoài phố. Đèn ngoài phố chiếu sáng vào con số bằng đồng đeo ở cổ áo quân nhân. Cô gái không mang khăn choàng đầu, rảo bước bên cạnh người lính.

Một người bồi nói: "Lính tuần sẽ lượm anh kia."

"Thì đã sao nếu anh ta có được cái mà anh ta theo đuổi?"

"Tốt hơn là bây giờ anh ta nên tránh đi vào phố. Lính tuần sẽ bắt anh. Cách đây năm phút họ vừa đi qua đây."

Ông già ngồi trong bóng tối lấy cái ly đập vào đĩa đựng chén. Người bồi trở lại bên ông già.

"Ông cần gì?"

Ông già nhìn anh. Ông nói: "Ly rượu nữa."

Anh bồi nói: "Ông sắp say rồi." Ông già lại nhìn anh. Anh quay đi.

Anh nói với người bồi kia: "Ông ấy sẽ ngồi suốt đêm. Tao buồn ngủ rồi; không bao giờ tao được đi ngủ trước ba giờ sáng. Tuần trước đáng lẽ ông ấy tự vẫn quách đi có xong không."

Anh bồi lấy ở quầy hàng trong tiệm một chai rượu và một chiếc đĩa khác, rồi đi lại bàn ông già. Anh đặt đĩa xuống và rót rượu đầy ly.

Anh nói với ông già điếc: "Tuần trước đáng lẽ ra ông tự vẫn quách đi cho rồi." Ông già giơ ngón tay ra hiệu. Ông nói: "Thêm chút nữa." Anh bồi tiếp tục rót rượu vào ly đến nỗi rượu tràn ra và chảy theo chân ly vào chiếc đĩa trên chốc cả chồng đĩa. Ông già nói: "Cảm ơn." Anh bồi cất chai rượu vào trong tiệm. Anh lại ngồi vào bàn với anh bạn đồng nghiệp.

Anh nói: "Bây giờ ông ấy say rồi."

"Đêm nào ông cũng say."

"Ông muốn tự vẫn để làm gì?"

"Tao biết sao được."

"Ông tự vẫn bằng cách nào?"

"Ông treo cổ bằng một sợi dây."

"Ai cắt dây hạ ông xuống?"

"Cháu gái ông."

"Tại sao họ làm như vậy?"

"Họ lo cho linh hồn ông."

"Ông có bao nhiêu tiền?"

"Nhiều lắm."

"Ông phải tới 80 tuổi."

"Tao cũng cho là tám mươi."

"Tao ước gì ông về đi, chưa bao giờ tao phải đi ngủ trước ba giờ sáng. Giờ đó đâu phải giờ đi ngủ?"

"Ông ngồi lì vì ông thích thế."

"Ông ấy cô đơn. Tao không cô đơn. Tao có vợ chờ tao ở nhà."

"Trước kia ông cũng có vợ."

"Bây giờ mà ông có vợ thì cũng chẳng ích lợi gì cho ông."

"Chưa chắc. Có vợ, có lẽ ông ấy khá hơn."

"Cháu gái ông săn sóc ông."

"Tao biết rồi. Khi nãy mày nói cô ta cắt dây và cứu ông."

"Tao không thích già như vậy. Một ông già là một cái gì khó thương lắm."

"Không phải bao giờ cũng vậy. Ông già này sạch sẽ. Ông uống mà không đánh đổ rượu. Ngay bây giờ đang say cũng vậy. Mày nhìn ông coi."

"Tao không muốn nhìn ông ấy. Tao chỉ muốn ông về đi. Ông không nể nang gì những kẻ phải làm việc." Ông già ngược mắt từ ly rượu nhìn qua bên kia công viên rồi nhìn những anh bồi.

Ông chỉ ly rượu nói: "Cho ly nữa." Anh bồi vội vã đi tới bàn ông.

Anh nói: "Hết rồi. Đêm nay thôi. Đóng cửa bây giờ." Anh nói mà không cần ngữ pháp như những người ngu suẩn thường nói khi chuyện trò với người say hay người ngoại quốc.

Ông già nói: "Cho ly nữa."

"Không. Hết rồi." Anh bồi lấy khăn lau cạnh bàn và lắc đầu.

Ông già đứng dậy, chậm chạp đếm số đĩa đựng ly, lấy cái ví da đựng tiền trong túi ra, trả tiền và để lại nửa pêsêta để tưởng thưởng.

Anh bồi nhìn ông lão đi xuống phía dưới đường phố, ông lão rất già đi chuệnh choạng nhưng có vẻ tự cách.

Trong lúc họ đang đóng cửa, anh bồi không vội hỏi: "Tại sao mà không để ông ngồi lại uống rượu? Chưa tới hai giờ rưỡi mà."

"Tao cần về nhà đi ngủ."

"Một tiếng đồng hồ thì có kể gì?"

"Đối với tao, một tiếng đồng hồ có nghĩa hơn là đối với ông nhiều lắm."

"Thì vẫn là một tiếng đồng hồ."

"Mày nói như thế chính mày cũng là ông già vậy. Ông ta có thể mua chai rượu và uống ở nhà."

"Uống ở nhà không giống như uống ở đây."

Anh bồi có vợ đồng ý: "Ừ, đâu có giống như uống ở đây." Anh không muốn bắt công với ông già nhưng chỉ vì anh đang vội.

"Còn mày? Về nhà trước giờ thường lệ mày không sợ sao?" (Ý nói không sợ có tình địch sao.)

"Mày muốn chửi tao hả?"

"Không đâu bồ ơi, tao giỡn chơi đó thôi."

Kéo cửa sắt xuống xong, anh bồi vội vã đứng dậy rồi nói: "Không, tao tin tưởng. Tao hoàn toàn tự tin."

Anh bồi nhiều tuổi hơn nói: "Mày còn trẻ, lại có lòng tin tưởng và có công việc làm, mày có tất cả mọi thứ."

"Còn mày thiếu cái gì?"

"Tao có công ăn việc làm, còn thì thiếu tất cả."

"Mày có tất cả những gì tao có."

"Không, chưa bao giờ tao có lòng tin tưởng và tao không còn trẻ nữa."

"Thôi, đừng nói chuyện vớ vẩn nữa, đóng cửa đi."

Anh bồi già nói: "Tao là thứ người thích ngồi tiệm cà phê khuya với tất cả những người không muốn đi ngủ, với tất cả những người cần có ánh sáng về ban đêm."

"Tao thì cần về nhà ngủ."

Anh bồi già nói: "Chúng ta thuộc hai loại người khác nhau." Bây giờ anh đã mặc xong áo để ra về và nói tiếp: "Không phải chỉ là vấn đề tuổi trẻ và lòng tin tưởng tuy rằng những cái đó đẹp để lắm. Đêm nào tao cũng thấy ngại ngùng khi đóng cửa vì có thể có người cần tiệm cà phê."

"Bồ ơi, còn có những hầm rượu mở cửa suốt đêm."

"Mày không hiểu. Đây là một tiệm cà phê sạch sẽ và thích thú. Lại sáng sủa nữa. Ánh đèn rất tốt đẹp, và bây giờ, có bóng lá cây nữa."

Anh bồi trẻ nói: "Thôi về nhé!"

Anh kia nói: "Ừ, về nhé." Anh tắt đèn điện và tiếp tục nói chuyện một mình. Dĩ nhiên là cần ánh sáng, nhưng cần thiết là nơi đó phải sạch sẽ và thích thú. Không cần có âm nhạc. Chắc chắn là không cần âm nhạc. Anh cũng không thể đứng trước một quầy rượu và giữ được tư cách mặc dầu ở đó tất cả những gì cần thiết cho những giờ khắc này. Anh sợ sệt cái gì? Đó không phải sợ hãi hay kinh hoàng. Đó chỉ là cái hư không mà anh biết rõ quá. Tất cả là hư không, và con người cũng là cái hư không. Chỉ có một điều là cái đó cần có ánh sáng và phần nào sạch sẽ và trật tự. Có người sống trong hư vô mà không bao giờ cảm thấy cái hư vô đó, nhưng anh biết rằng tất cả chỉ là cái hư không rồi lại hư không.

Lạy hư không chúng tôi ở trên hư không, chúng tôi nguyện hư không cả sáng nước hư không trị đến vâng ý hư không dưới đất bằng trên hư không vậy. Xin hư không cho chúng tôi rầy hằng ngày dùng đủ và tha hư không chúng tôi, như chúng

tôi cũng tha kẻ có hư không chúng tôi lại chớ để chúng tôi sa chước hư không bèn chữa chúng tôi cho khỏi hư không; hư không.^[1] Kính mừng hư không đầy hư không. Anh mỉm cười và đang đứng trước một quầy rượu trên có một chiếc máy lọc cà phê sáng loáng chạy bằng hơi ép.

Người pha rượu hỏi: "Anh cần gì?"

"Không gì cả."

Người pha rượu nói: "Lại một thằng điên," rồi quay đi.

Anh bồi nói: "Cho một ly nhỏ."

Người bán rượu rót cho anh một ly.

Anh bồi nói: "Ánh đèn sáng và thích thú nhưng quán rượu không lịch sự."

Chủ quán nhìn anh không trả lời. Khuya quá rồi không phải lúc nói chuyện.

Chủ quán hỏi: "Ly nhỏ nữa chứ?"

Anh bồi nói: "Thôi, cảm ơn," rồi đi ra. Anh không thích những quán rượu và hầm rượu. Một tiệm cà phê sạch sẽ, sáng sủa là cái gì khác hẳn kia. Bây giờ, không nghĩ ngợi gì thêm nữa, anh sẽ trở về căn phòng của anh. Anh sẽ nằm trên giường và cuối cùng, khi trời sáng, anh sẽ ngủ. Anh tự bảo, dầu sao có lẽ chỉ là bệnh mất ngủ. Chắc hẳn nhiều người cũng bị mất ngủ như vậy.

^[1] Nhại bài kinh "Lạy Cha" trong đạo Thiên Chúa.